

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Vũ Thị Việt Hà

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Ninh Thị Thùy Trang

HẢI PHÒNG – 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH TUẤN CHÂU**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Vũ Thị Việt Hà

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Ninh Thị Thùy Trang

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Vũ Thị Việt Hà

Mã SV: 1412401375

Lớp: QT1806K

Ngành: Kế Toán - Kiểm Toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tuấn Châu.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (Về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ
- Khảo sát thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tuấn Châu năm 2016
- Đề xuất các giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tuấn Châu năm 2016

2. Các liệu cần thiết để thiết kế, tính toán

- Sử dụng số liệu kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tuấn Châu

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Công ty TNHH Tuấn Châu

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên : Ninh Thị Thùy Trang

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tuấn Châu.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 20.....

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 20.....

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Vũ Thị Việt Hà

ThS. Ninh Thị Thùy Trang

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2018

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	2
1.1 Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp	2
1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu:.....	3
1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu	4
1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	5
1.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	6
1.5.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:.....	6
1.5.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	9
1.5.3. Kế toán giá vốn hàng bán:	13
1.5.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh:	17
1.6. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính	20
1.7. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí và hoạt động khác	24
1.8. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.....	27
1.9. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh theo các hình thức kế toán.....	29
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TUẤN CHÂU	34
2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tuấn Châu.....	34
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH Tuấn Châu.....	34
2.1.2. Đối tượng và kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tuấn Châu	35
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Tuấn Châu	35
2.1.4 Đặc điểm bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Tuấn Châu	37
2.1.5 Các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Tuấn Châu.....	41
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí tại công ty TNHH Tuấn Châu	43

2.2.1. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Tuấn Châu.....	43
2.2.2. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	43
2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Tuấn Châu	50
2.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh trong Công ty TNHH Tuấn Châu....	58
2.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính trong Công ty TNHH Tuấn Châu	67
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh trong Công ty TNHH Tuấn Châu .	71
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TUẤN CHÂU	80
3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tuấn Châu	80
3.1.1. Kết quả đạt được :	80
3.2. Những tồn tại trong công tác kế toán tại Công ty TNHH Tuấn Châu.....	82
3.3. Một số giải pháp nhằm xác định chính xác kết quả từng hoạt động tại Công ty TNHH Tuấn Châu	82
3.3.1. Giải pháp 1:	82
3.3.2 Giải pháp 2:	84
3.3.3. Giải pháp 3:	85
KẾT LUẬN	88
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	89

LỜI MỞ ĐẦU

Mỗi doanh nghiệp là một mắt xích quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, sự phát triển của doanh nghiệp góp phần đảm bảo cho nền kinh tế phồn vinh thịnh vượng. Nền kinh tế thị trường của nước ta trong những năm gần đây đã đạt được những bước tiến vững mạnh và ngày càng có nhiều doanh nghiệp thích ứng được với các quy luật của nền kinh tế và hoạt động đạt hiệu quả cao. Có được những thành tựu đó là nhờ sự nỗ lực không ngừng của mỗi doanh nghiệp ở tất cả các khâu từ sản xuất, lưu thông phân phối và tiêu thụ, trong đó không thể không kể đến công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh góp phần phản ánh và cung cấp chính xác, kịp thời những thông tin cho các cấp lãnh đạo của doanh nghiệp để có căn cứ đưa ra các quyết định, chính sách và biện pháp phù hợp để tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đạt hiệu quả cao hơn. Công ty TNHH Tuấn Châu cũng không nằm ngoài quy luật đó.

Xuất phát từ tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh em đã mạnh dạn chọn và đi sâu nghiên cứu đề tài” Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tuấn Châu ”.

Em xin chân thành cảm ơn Thạc sĩ Ninh Thị Thùy Trang, các thầy cô trong khoa và các cô chú, anh chị trong phòng kế toán của Công ty đã tạo điều kiện giúp đỡ em hoàn thành đề tài này.

Kết cấu bài khóa luận của em gồm 3 chương:

Chương 1 : Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tuấn Châu

Chương 3 : Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tuấn Châu

CHƯƠNG 1:

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1 Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

**Bán hàng*: là quá trình doanh nghiệp chuyển giao hàng hóa của mình cho khách hàng và khách hàng trả tiền hay chấp nhận trả tiền cho doanh nghiệp.

**Sản phẩm sản xuất*: là sản phẩm tự làm ra để sử dụng, hay để trao đổi trong thương mại

**Sản phẩm tiêu thụ*: là thực hiện mục đích của sản xuất hàng hóa, là đưa sản phẩm từ nơi sản xuất tới nơi tiêu dùng. Nó là khâu lưu thông hàng hoá, là cầu nối trung gian giữa một bên là sản xuất và phân phối và một bên là tiêu dùng.

**Doanh thu*: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp nên sẽ không được coi là doanh thu. Các khoản vốn góp của cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu không là Doanh thu. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được.

– *Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ*: là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng đã trừ các khoản giảm trừ (chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán...) trong kỳ báo cáo, làm căn cứ tính kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

**Thời điểm ghi nhận doanh thu*: doanh thu được ghi nhận chỉ khi doanh nghiệp được đảm bảo nhận lợi ích kinh tế từ giao dịch.

*Các hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

- Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh: là hoạt động sản xuất, tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm

+ Hoạt động tài chính: là các hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn hoặc dài hạn với mục đích sinh lời.

+ Hoạt động khác: là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

- Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp: là kết quả hoạt động tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, lao vụ, dịch vụ và hoạt động tài chính được biểu hiện qua chỉ tiêu lợi nhuận thuần về hoạt động kinh doanh.

1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu:

* *Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:*

– Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 –“ Doanh thu và thu nhập khác”
Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua

+ Doanh nghiệp không còn nắm quyền quản lý như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm kê, kiểm soát hàng hóa

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

+ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

* *Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:*

Đối với các giao dịch cung cấp dịch vụ chuẩn mực cũng quy định, doanh thu được ghi nhận khi kết quả đã được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp về giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh nghiệp được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành và ngày lập Bảng cân đối kế toán trong kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn 4 điều kiện sau:

+ Doanh thu tương đối chắc chắn

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó

+ Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán

+ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

* *Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia:*

- Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:
 - + Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;
 - + Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng;
 - + Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được bằng tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ mà doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán có thể thấp hơn doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ghi nhận ban đầu.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu).

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa gia công.
- Đối với hàng hóa bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.
- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.
- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi nhận doanh thu chưa thực hiện về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Ghi chép, phản ánh chính xác, kịp thời, đầy đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp.
- Ghi chép, phản ánh chính, đầy đủ kịp thời các khoản doanh thu và giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh để cuối kỳ tập hợp doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh
- Theo dõi thường xuyên liên tục tình hình biến động tăng giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác của doanh nghiệp
- Mở sổ theo dõi chi tiết chi phí theo từng yếu tố, từng khoản mục, và địa điểm phát sinh chi phí
- Xác định tiêu thức phân bổ và phân bổ chi phí kinh doanh cho hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ và hàng còn lại chưa tiêu thụ trong trường hợp doanh nghiệp có chu kỳ kinh doanh dài và lượng hàng tồn kho cuối kỳ lớn
- Cung cấp số liệu cho việc kiểm tra phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch chi phí của doanh nghiệp

– Cung cấp thông tin kế toán chính xác, kịp thời phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.5.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

* *Các phương thức tiêu thụ chủ yếu trong các doanh nghiệp*

– Phương thức bán hàng trực tiếp:

Là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho, tại các phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị mất quyền sở hữu về số hàng này.

– Phương thức gửi hàng đi bán:

Theo phương thức này bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì số hàng chấp nhận này mới được coi là tiêu thụ

– Phương thức hàng đổi hàng:

Là phương thức sản xuất sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ đổi lấy vật tư, hàng hóa, TSCĐ không tương tự để sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng để đổi lấy vật tư, hàng hóa, TSCĐ khác theo giá bán chưa có thuế GTGT.

– Phương pháp bán hàng đại lý, ký gửi:

Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý, ký gửi (gọi là bên đại lý) để bán. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

– Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:

Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua, thì lượng hàng chuyên giao được coi là tiêu thụ, người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua một phần. Số tiền còn lại người mua sẽ trả dần và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ bằng nhau, trong đó bao gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi suất trả chậm.

– Phương thức tiêu thụ nội bộ:

Là việc mua - bán sản phẩm, hàng hóa, lao vụ dịch vụ giữa đơn vị chính và đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một công ty, tổng công ty, tập đoàn, liên hiệp xí nghiệp... Ngoài ra, được coi là tiêu thụ nội bộ còn bao gồm các khoản sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ xuất, biểu, tặng, trả lương, trả thưởng, xuất dùng cho hoạt động kinh doanh.

* *Chứng từ sử dụng:*

- Hóa đơn bán hàng, hóa đơn GTGT
- Hợp đồng kinh tế
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng, séc thanh toán, séc chuyển khoản...

* *Tài khoản sử dụng:*

- Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán, bao gồm cả doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ.

– Nguyên tắc hạch toán: chỉ hạch toán vào tài khoản 511 số Doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, lao vụ, đã xác định là tiêu thụ. Giá bán được hạch toán là giá bán thực tế, là số tiền ghi trên hóa đơn.

– Kết cấu tài khoản 511

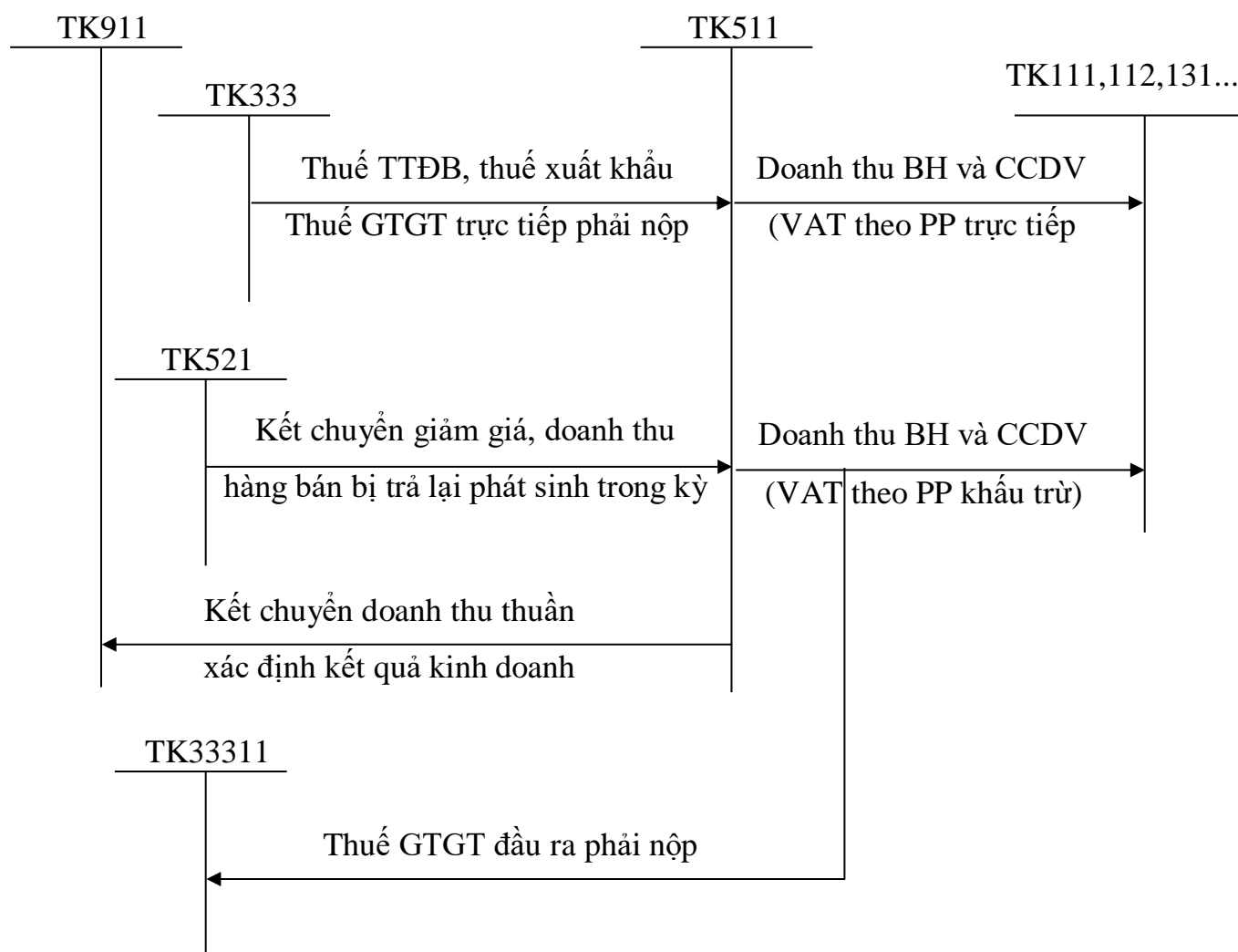
Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none">• Số thuế phải nộp tính trên doanh số bán hàng trong kỳ (thuế TTĐB, thuế XNK, thuế GTGT theo pp trực tiếp)• Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và doanh thu bán hàng bị trả lại• Kết chuyển doanh thu thuần vào TK911”xác định kết quả kinh doanh”		<ul style="list-style-type: none">• Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong kỳ kế toán• Các khoản doanh thu trợ cấp trợ giá, phụ thu mà doanh nghiệp được hưởng

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản cấp 2:

- + TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- + TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- + TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- + TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- + TK 5118: Doanh thu khác

* Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự hạch toán Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.5.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

* Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan
- Biên bản xác nhận giảm giá hàng bán
- Biên bản xác nhận hàng bán bị trả lại, và các chứng từ khác.

* Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại:

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng mua với số lượng lớn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ và theo thỏa thuận bên

bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại mà hai bên đã thống nhất ghi trong hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua, bán.

Nguyên tắc hạch toán:

Chi hạch toán vào tài khoản này là chiết khấu thương mại người mua được hưởng đã thực hiện trong kỳ theo đúng mức chiết khấu thương mại của doanh nghiệp đã quy định.

Trường hợp người mua hàng nhiều lần đạt tới số lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thương mại, thì khoản chiết khấu này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn “Hóa đơn GTGT” hoặc “Hóa đơn bán hàng”

Trường hợp người mua hàng với số lượng lớn đc hưởng CKTM, giá bán phản ánh trên hóa đơn vào TK 5211. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ khoản CKTM

Kết cấu TK 5211:

Nợ	TK 5211	Có
<ul style="list-style-type: none">Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng		<ul style="list-style-type: none">Kết chuyển chiết khấu thương mại sang TK 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ kế toán

Tài khoản 5211 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 5212 – Hàng bán bị trả lại

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu số sản phẩm hàng hóa đã tiêu thụ bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân (kém phẩm chất, quy cách..) được doanh nghiệp chấp nhận.

Nguyên tắc hạch toán tài khoản:

Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do hàng bị trả lại, số lượng hàng bị trả lại, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hóa đơn (nếu trả lại một phần hàng). Và kèm theo chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng bị trả lại trên.

Kết cấu TK 5212:

Nợ	TK 5212	Có
<ul style="list-style-type: none">Doanh thu của số hàng đã tiêu thụ bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc trừ vào nợ phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa bán ra		<ul style="list-style-type: none">Kết chuyển doanh thu của số hàng đã tiêu thụ bị trả lại trừ vào doanh thu trong kỳ (TK 511)

TK 5212 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 5213 – Giảm giá hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ hạch toán được người bán chấp nhận trên giá thỏa thuận.

Nguyên tắc hạch toán tài khoản:

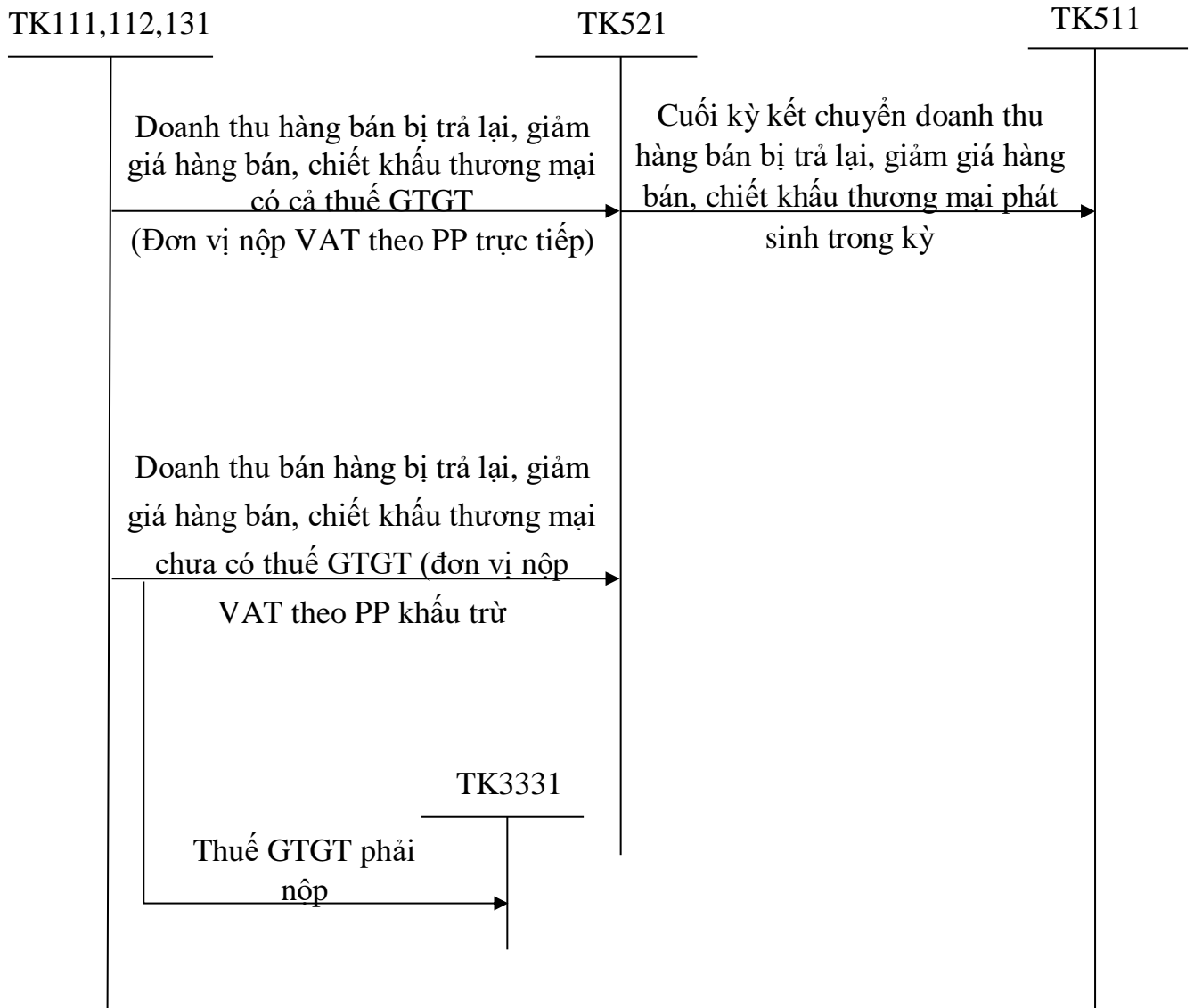
Chỉ phản ánh vào tài khoản 5213 các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá ngoài hoá đơn, tức là khi đã có hoá đơn bán hàng

Kết cấu TK 5213:

Nợ	TK5213	Có
<ul style="list-style-type: none">Các khoản giảm giá hàng bán được chấp thuận		<ul style="list-style-type: none">Kết chuyển toàn bộ số giảm giá hàng bán trừ vào doanh thu

TK 5213 không có số dư cuối kỳ

* Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.5.3. Kế toán giá vốn hàng bán:

* Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho

- Phương pháp bình quân gia quyền

Giá trị từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình doanh nghiệp.

+ Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ của hàng I} = \frac{\text{Giá thực tế hàng I tồn đầu kỳ} + \text{Giá thực tế hàng I nhập kho trong kỳ}}{\text{Lượng thực tế hàng I tồn đầu kỳ} + \text{Lượng thực tế hàng I nhập kho trong kỳ}}$$

+ Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập (bình quân gia quyền liên hoàn):

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau lần nhập j của hàng I} = \frac{\text{Giá thực tế tồn kho sau lần nhập j của hàng I}}{\text{Lượng thực tế tồn kho sau lần nhập j của hàng I}}$$

- Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ. Giá trị hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho. Phương pháp này thường được áp dụng trong trường hợp giảm phát.

- Phương pháp thực tế đích danh:

Theo phương pháp này giá của từng mặt hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho đến lúc xuất kho. Khi xuất kho mặt hàng nào thì tính theo giá đích danh của mặt hàng đó

- Phương pháp bán lẻ:

Phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

* *Chứng từ sử dụng:*

- + Hóa đơn GTGT
- + Phiếu xuất kho

* *Tài khoản sử dụng:*

TK 632 – Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư...

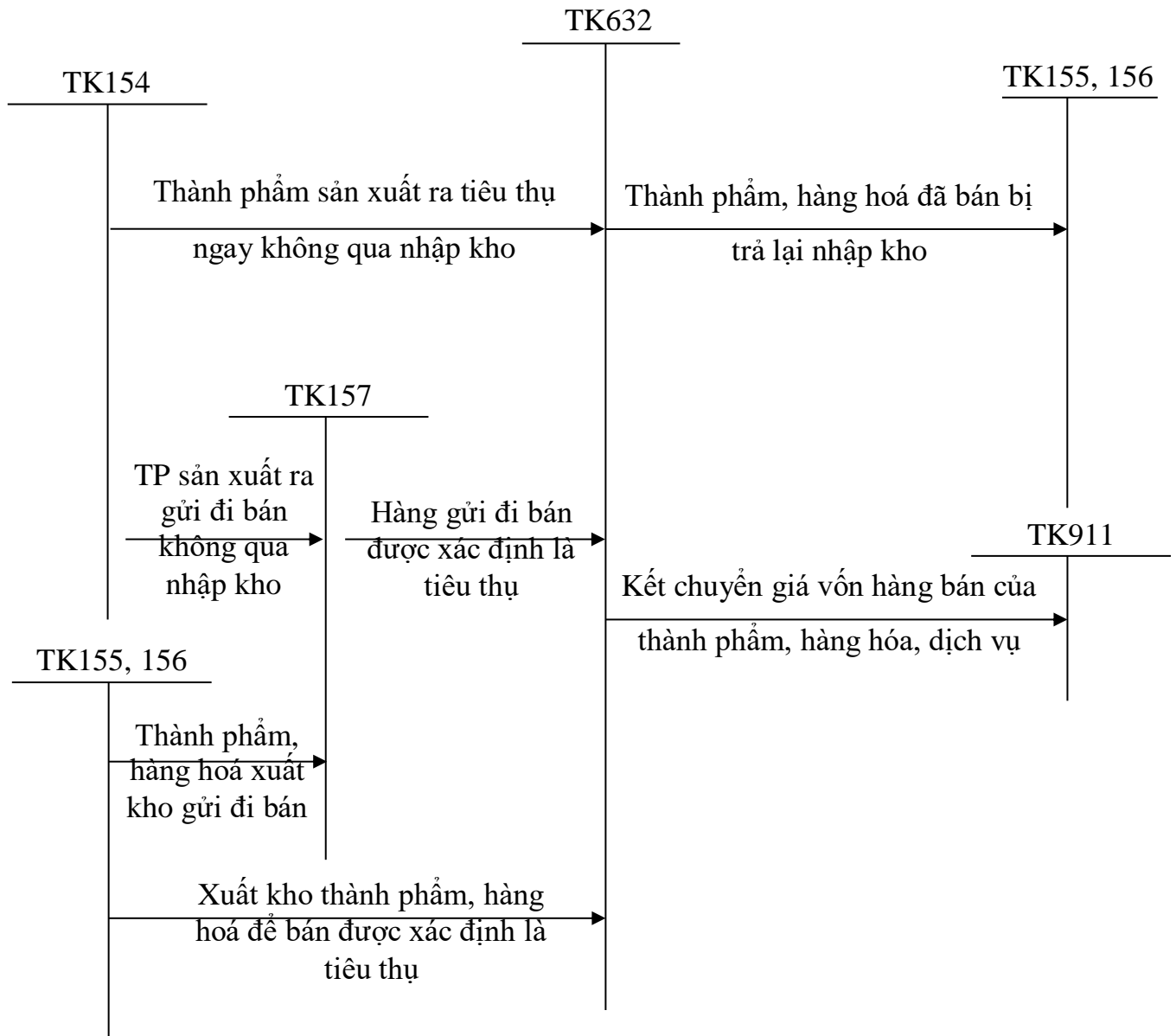
Ngoài ra tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư như: chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư, chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động...

Kế cấu tài khoản :

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none">• Trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ.• Chi phí NVL, chi phí nhân công vượt mức bình thường,• Chi phí sản xuất chung cố định không được phân bổ tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ• Các hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra• Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn năm trước		<ul style="list-style-type: none">• Kết chuyển giá vốn hàng bán tiêu thụ trong kỳ vào tài khoản xác định kết quả kinh doanh• Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

* Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.5.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh:

* *Chứng từ sử dụng:*

- + Hóa đơn thuế GTGT, hóa đơn bán hàng
- + Phiếu thu, phiếu chi
- + Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- + Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- + Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- + Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng
- + Phiếu kế toán
- + Các chứng từ khác có liên quan

* *Tài khoản sử dụng:*

* *Chứng từ sử dụng:*

- + Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng
- + Phiếu thu, phiếu chi
- + Giấy báo nợ
- + Bảng kê thanh toán tạm ứng
- + Các chứng từ khác có liên quan

* *Tài khoản sử dụng:*

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

Các tài khoản cấp 2:

- *TK 6421- Chi phí bán hàng*
- *TK 6422- Chi phí quản lý doanh nghiệp*

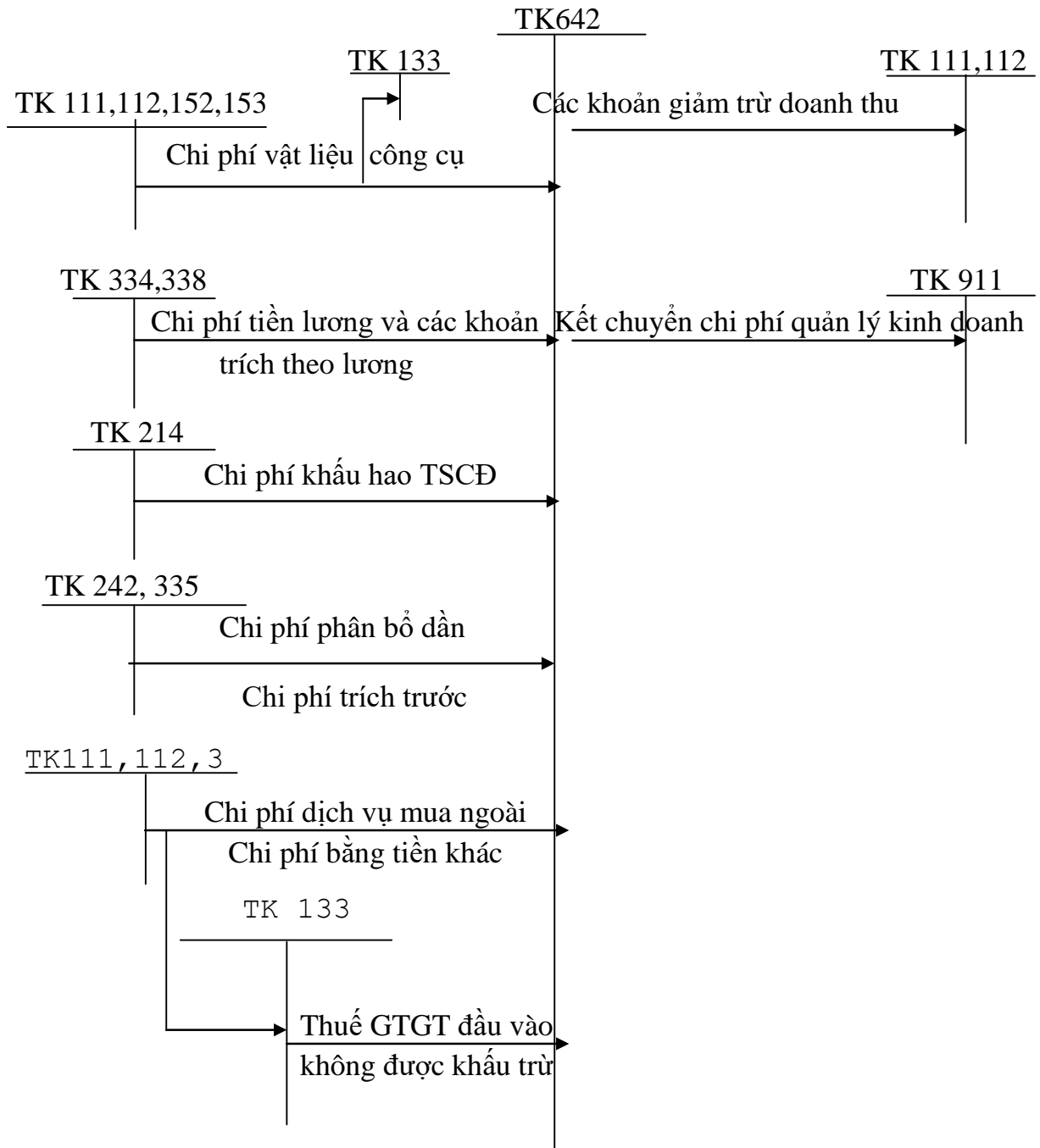
Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí phục vụ quản lý doanh nghiệp gồm CP lương bộ phận QLDN, chi phí đồ dùng văn phòng, thuế nhà đất, thuế môn bài, chi phí dự phòng, khấu hao TSCĐ phục vụ cho bộ phận QLDN, chi phí dịch vụ mua ngoài...

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh	Có
<ul style="list-style-type: none">• Các chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ• Trích lập và trích lập thêm khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả		<ul style="list-style-type: none">• Các khoản ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh• Hoàn nhập số chênh lệch dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả• Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TK911 – xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

* *Phương pháp hạch toán chi phí quản lý kinh doanh*



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.6. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính

* *Chứng từ sử dụng:*

- + Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
- + Phiếu thu, phiếu chi
- + Các chứng từ có liên quan

* *Tài khoản sử dụng:*

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

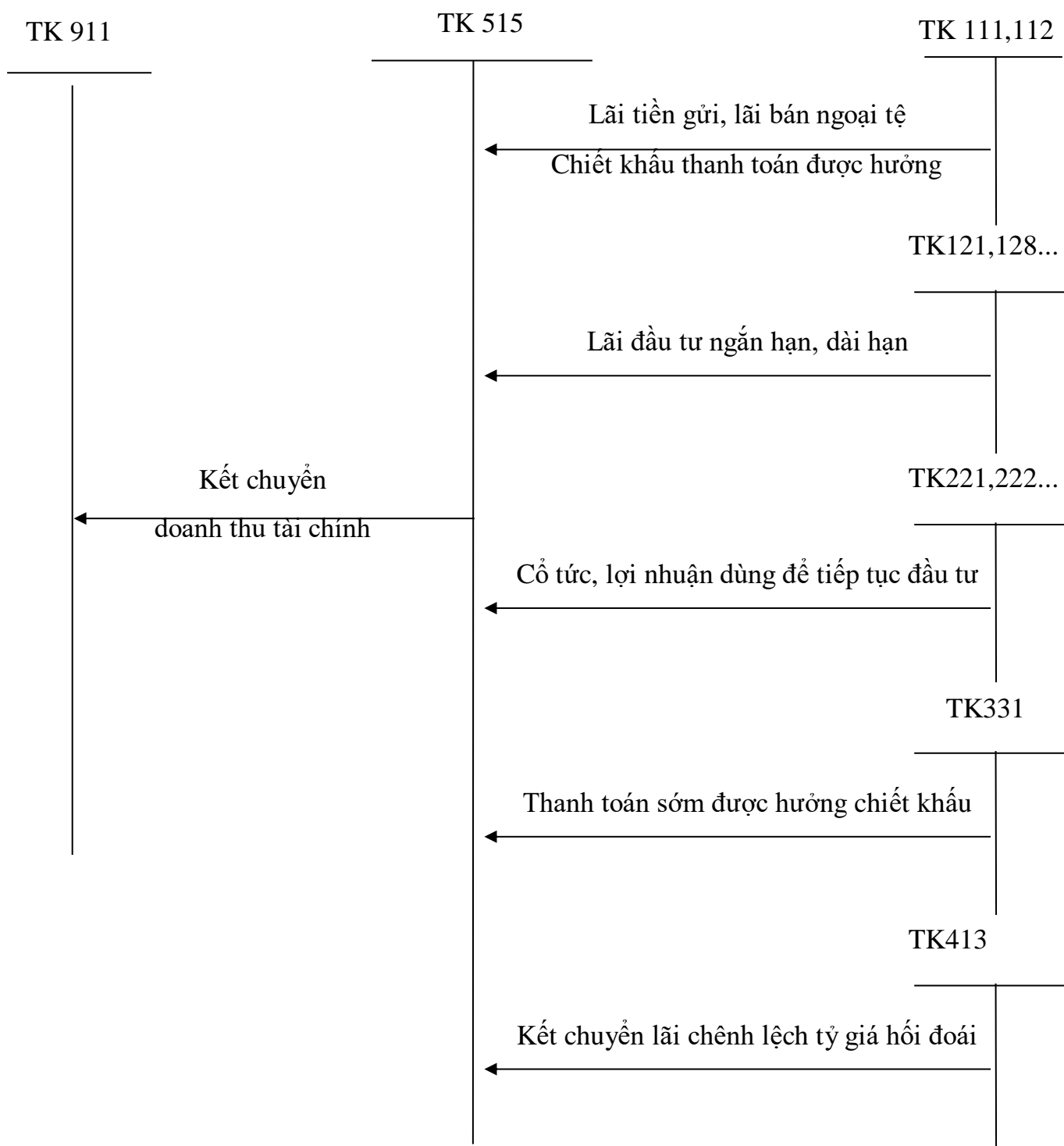
Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu do hoạt động tài chính mang lại như: lãi tiền gửi ngân hàng, chênh lệch lãi tỷ giá ngoại tệ, lợi nhuận được chia từ đầu tư cổ phiếu, thu nhập về từ hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn...

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 515 – Doanh thu HĐTC	Có
<ul style="list-style-type: none">• Số thuế GTGT phải nộp theo pp trực tiếp (nếu có)• Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK911 – xác định kết quả kinh doanh		<ul style="list-style-type: none">• Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ• Chiết khấu thanh toán được hưởng

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

* Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động kinh doanh



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính tài chính

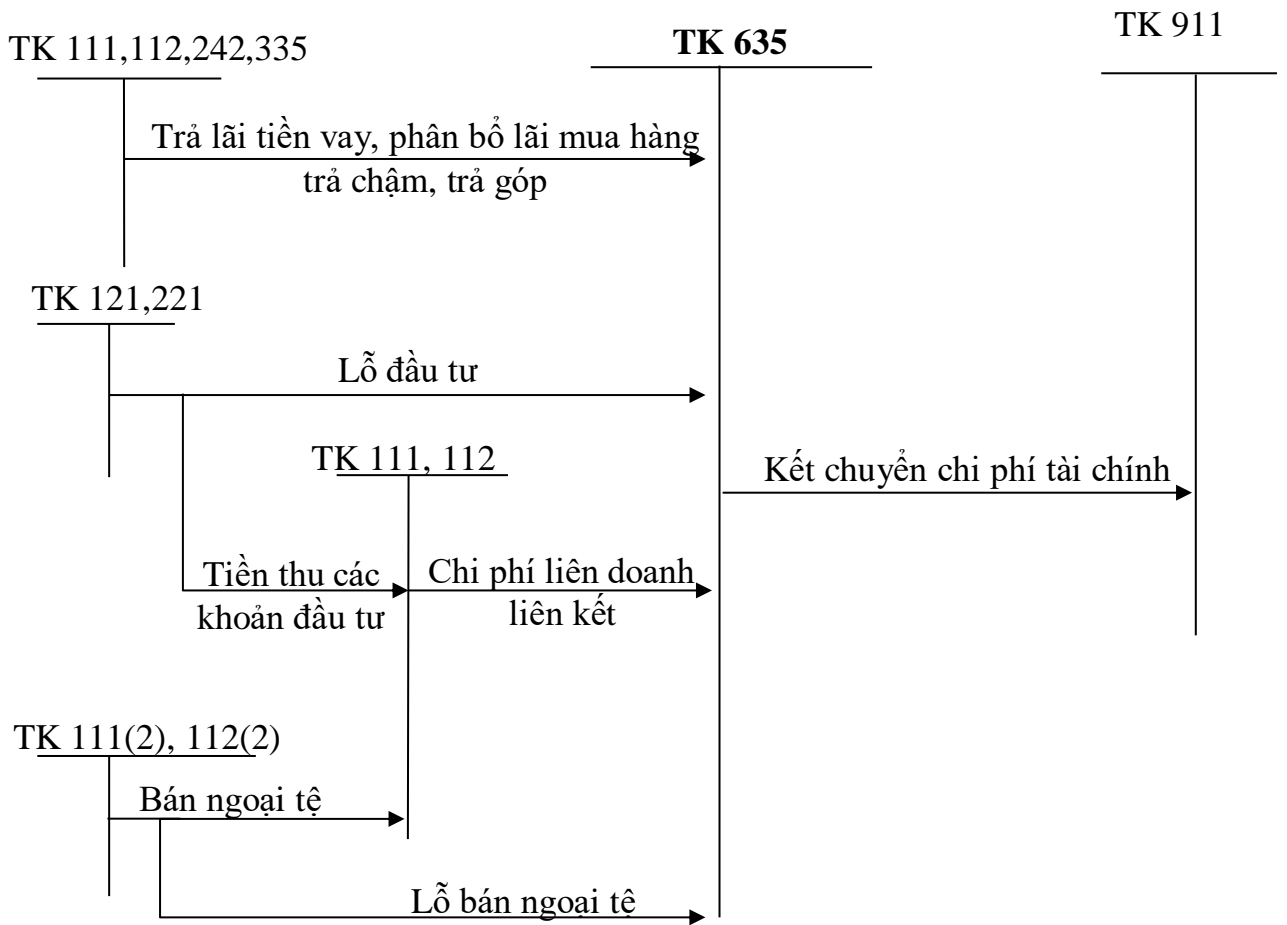
Tài khoản này phản ánh các chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ, chi phí lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.....

Kế cấu tài khoản:

Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none">• Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi do thuê tài sản.• Chiết khấu thanh toán cho người mua.• Lỗ khi bán ngoại tệ.• Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.• Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của HĐKD• Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của HĐKD• Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.• Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính• Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác		<ul style="list-style-type: none">• Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.• Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

* Phương pháp hạch toán chi phí tài chính



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính

1.7. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí và hoạt động khác

* Chứng từ sử dụng:

- + Phiếu thu, phiếu chi
- + Hóa đơn GTGT
- + Biên bản bàn giao, thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- + Biên lai nộp thuế, nộp phạt và các chứng từ khác có liên quan

* Tài khoản sử dụng

Tài khoản 711 – Thu nhập khác

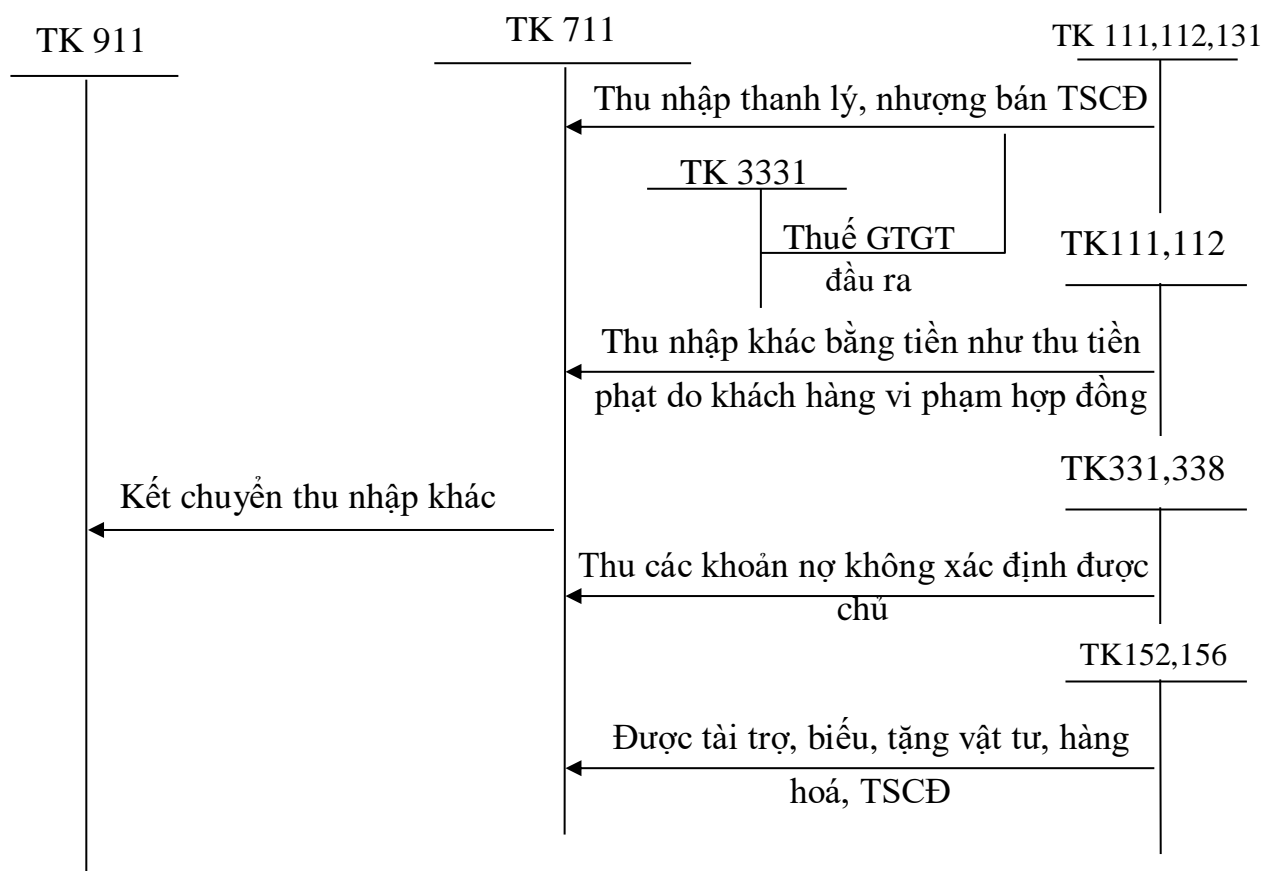
Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc những khoản không mang tính chất thường xuyên như: thu từ nhượng bán TSCĐ, thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi, các khoản thuế được NSNN hoàn lại...

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 711 – Thu nhập khác	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác • Kết chuyển các khoản thu nhập khác sang TK 911 – xác định kết quả kinh doanh 	<ul style="list-style-type: none"> • Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ • Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ • Thu tiền được do khách hàng vi phạm hợp đồng. Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ • Các khoản thuế đc NSNN hoàn lại; Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp • Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót 	

TK 711 không có số dư cuối kỳ

* Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự hạch toán thu nhập hoạt động khác

Tài khoản 811 – Chi phí khác:

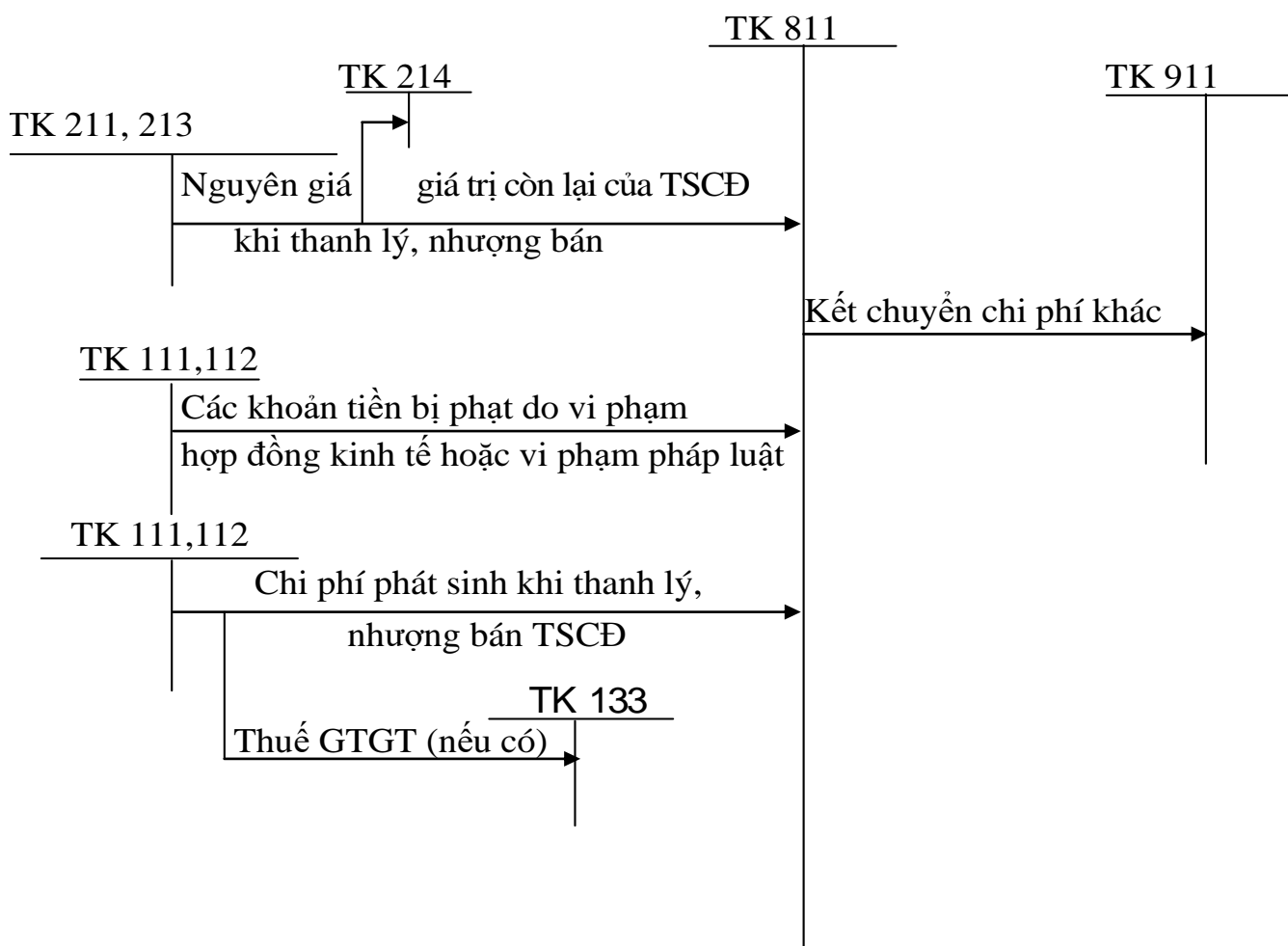
Là tài khoản dùng để phản ánh các khoản chi phí xảy ra không thường xuyên, riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp, những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước. Chi phí khác phát sinh gồm: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có); Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; Bị phạt thuế, truy nộp thuế; Các khoản chi phí khác...

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK811 – Chi phí khác	Có
<ul style="list-style-type: none"> Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ 		<ul style="list-style-type: none"> Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác trong kỳ vào TK911 – xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

** Phương pháp hạch toán*



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí hoạt động khác

1.8. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp

* *Chứng từ sử dụng:*

- + Phiếu kế toán
- + Quyết định xử lý lỗ các năm trước
- + Quyết định trích lập các quỹ trong doanh nghiệp
- + Các biên bản, hợp đồng về việc chia lợi nhuận
- + Các chứng từ khác có liên quan

* *Tài khoản sử dụng*

Tài khoản 821 – Chi phí thuế TNDN hiện hành

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định KQKD của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành

Kế cấu tài khoản 821:

Nợ	TK 821 – CP thuế TNDN hiện hành	Có
<ul style="list-style-type: none">• Thuế TNDN phải nộp tính vào CP thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm• CP thuế TNDN của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót		<ul style="list-style-type: none">• Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm;• Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm giá do phát hiện sai sót ko trọng yếu của các năm trước;• Kết chuyển CP thuế TNDN hiện hành vào bên nợ của TK911 – xác định kết quả kinh doanh

TK 821 không có số dư đầu kỳ, cuối kỳ

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 911 – xác định KQKD	Có
<ul style="list-style-type: none">• Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí QLDN, chi phí khác• Kết chuyển lãi		<ul style="list-style-type: none">• Tổng Doanh thu thuần tiêu thụ trong kỳ.• Tổng doanh thu thuần hoạt động tài chính và hoạt động khác• Kết chuyển Lỗ

Tài khoản 911 không có số dư đầu kỳ, cuối kỳ

Tài khoản 421: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

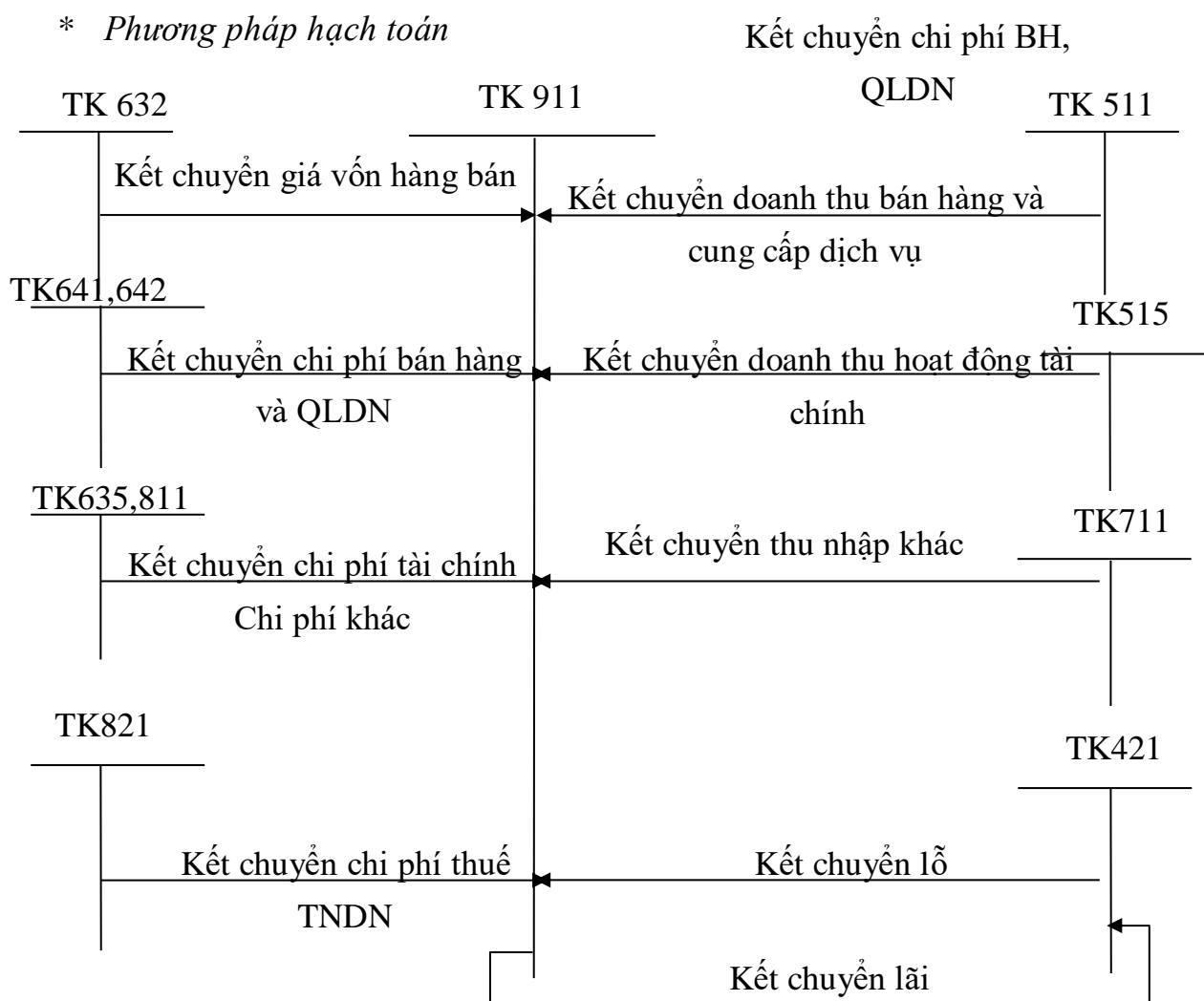
Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp

Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 421 – LNST chưa phân phối	Có
<ul style="list-style-type: none">• Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp• Trích lập các quỹ của doanh nghiệp• Chia cổ tức, lợi nhuận cho các chủ sở hữu• Bổ sung nguồn vốn kinh doanh• Nộp lợi nhuận lên cấp trên		<ul style="list-style-type: none">• Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh trong kỳ• Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên• Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh

Tài khoản cấp 2:

- + TK 4211: Lợi nhuận chưa phân phối năm trước
- + TK 4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp

1.9. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh theo các hình thức kế toán

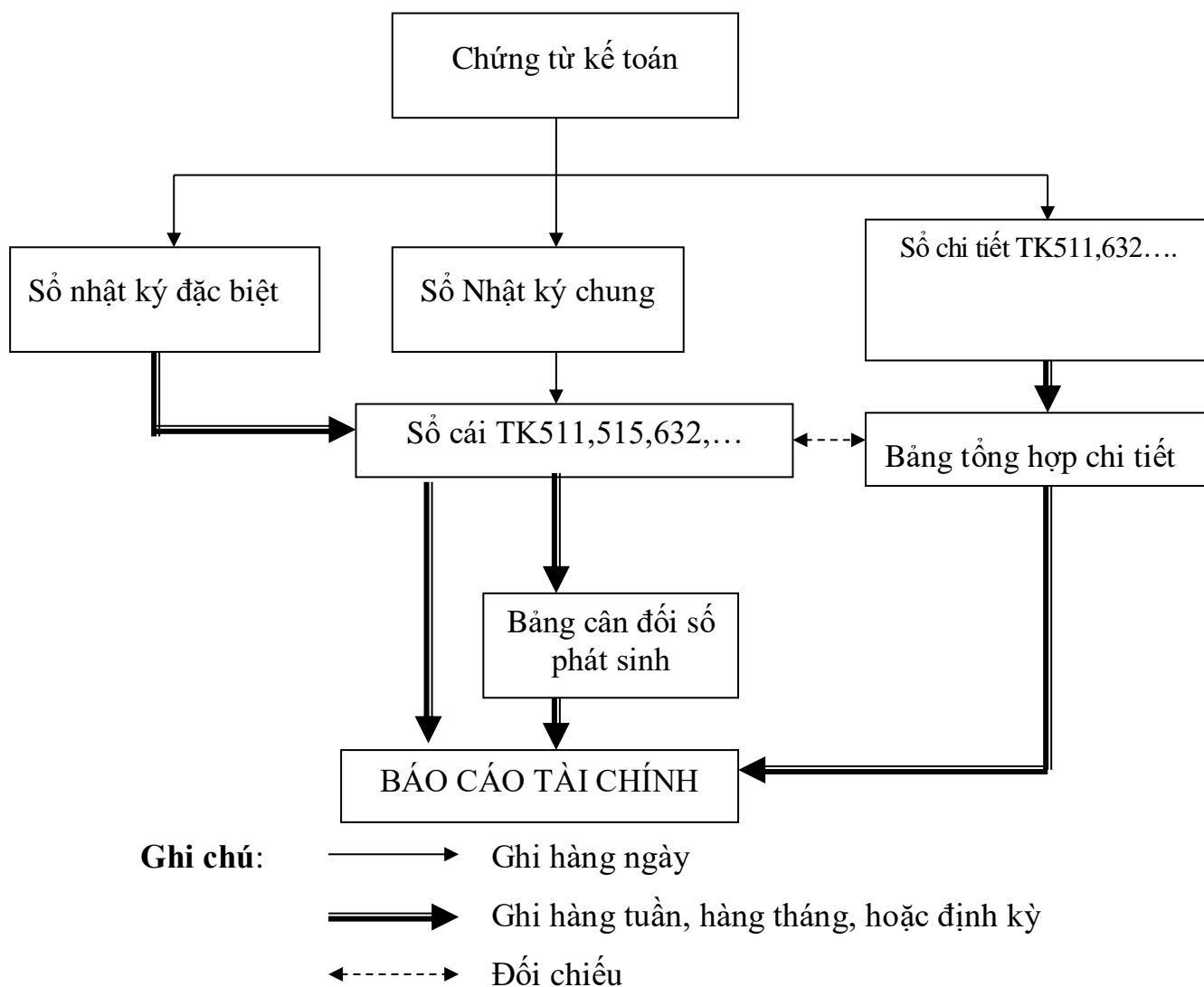
Theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ 48/2006 của Bộ tài chính, doanh nghiệp được áp dụng một trong 5 hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán máy

* **Hình thức kế toán Nhật ký chung**

* **Đặc điểm:** Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình

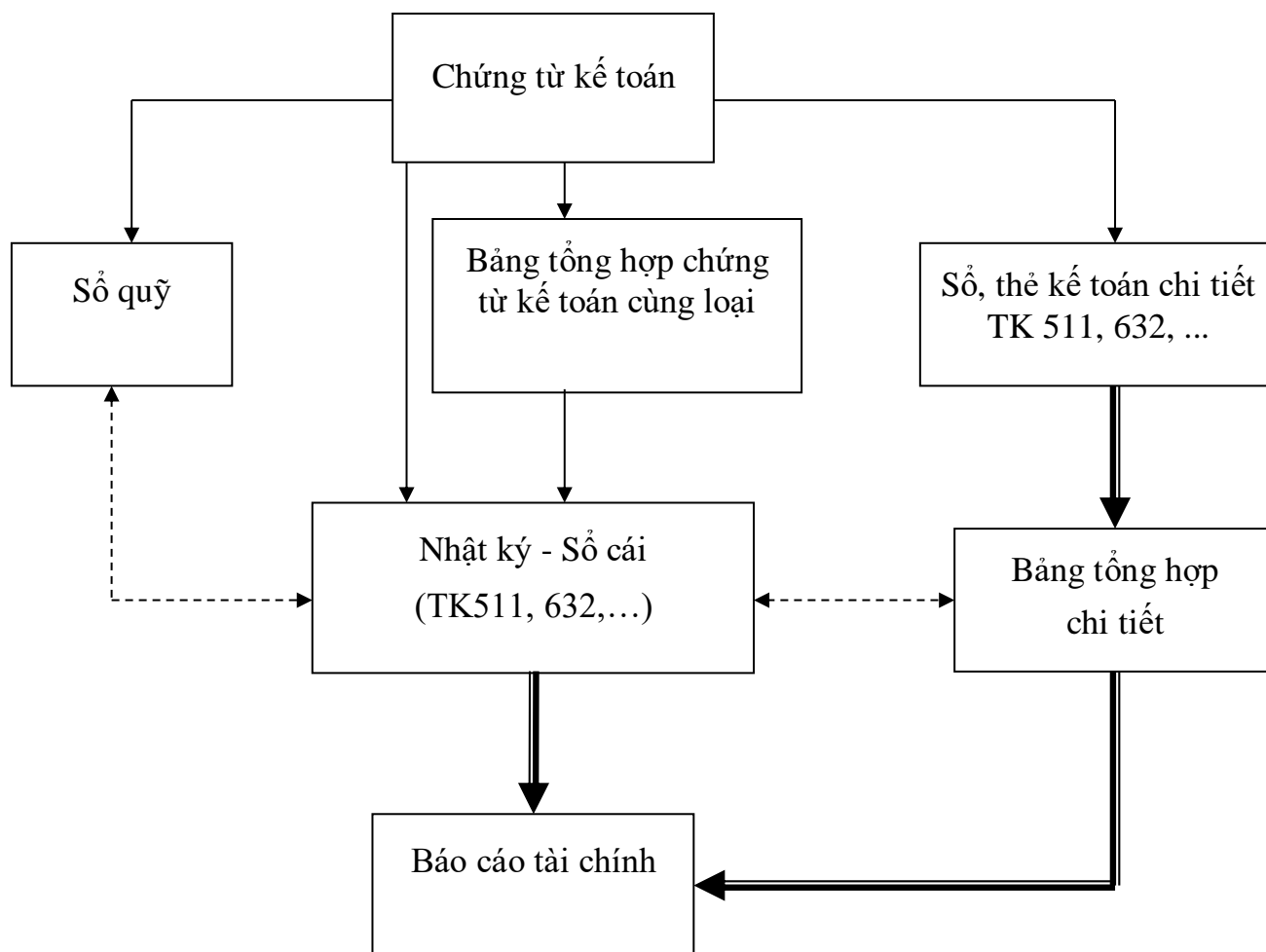
tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.



Sơ đồ 1.11 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung

* **Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái**

Đặc điểm: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo TK Kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký- Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký- Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
- ←- - - -> Đối chiếu

Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký Sổ cái

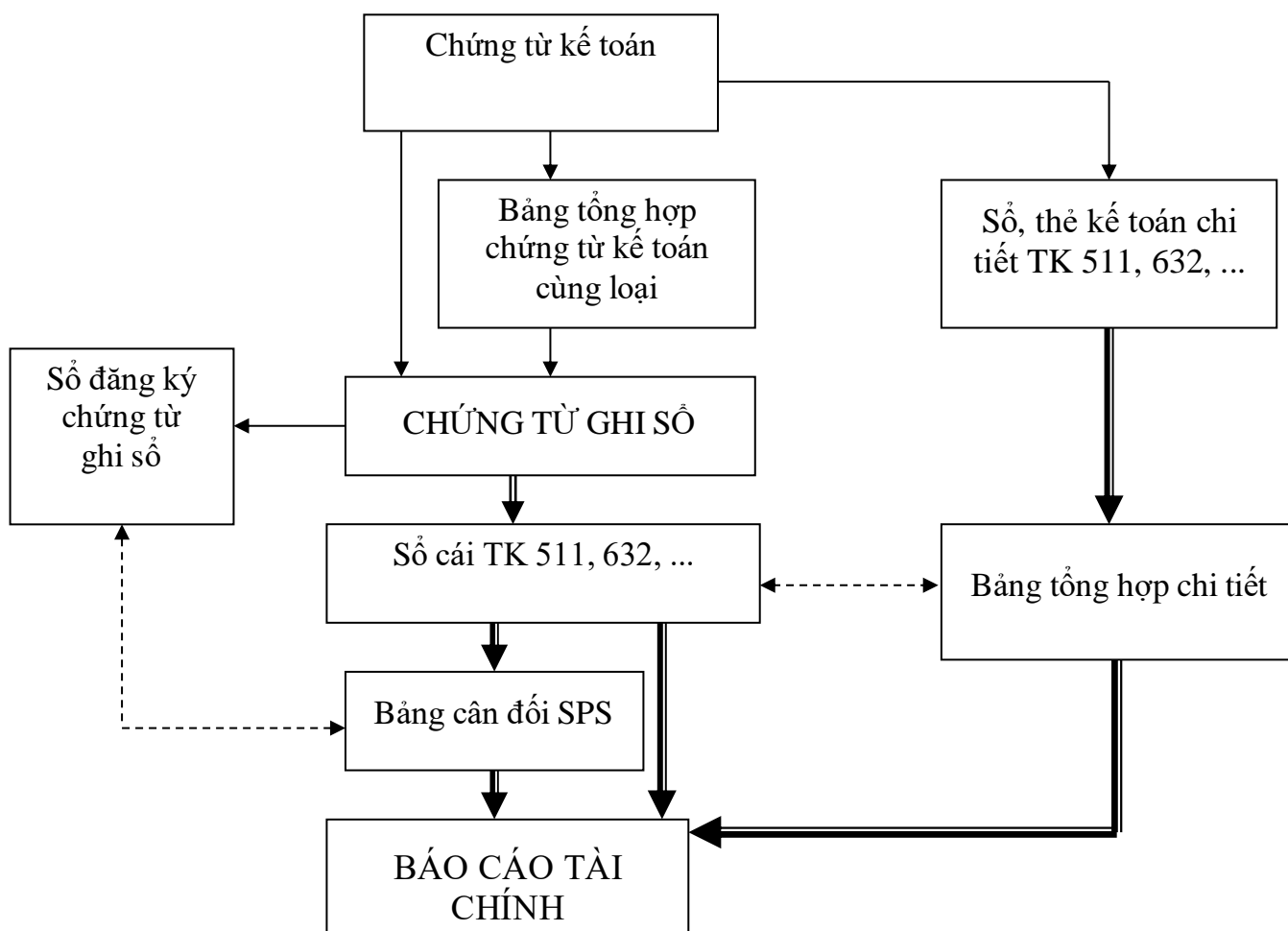
Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

Đặc điểm: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “ Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ cái

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

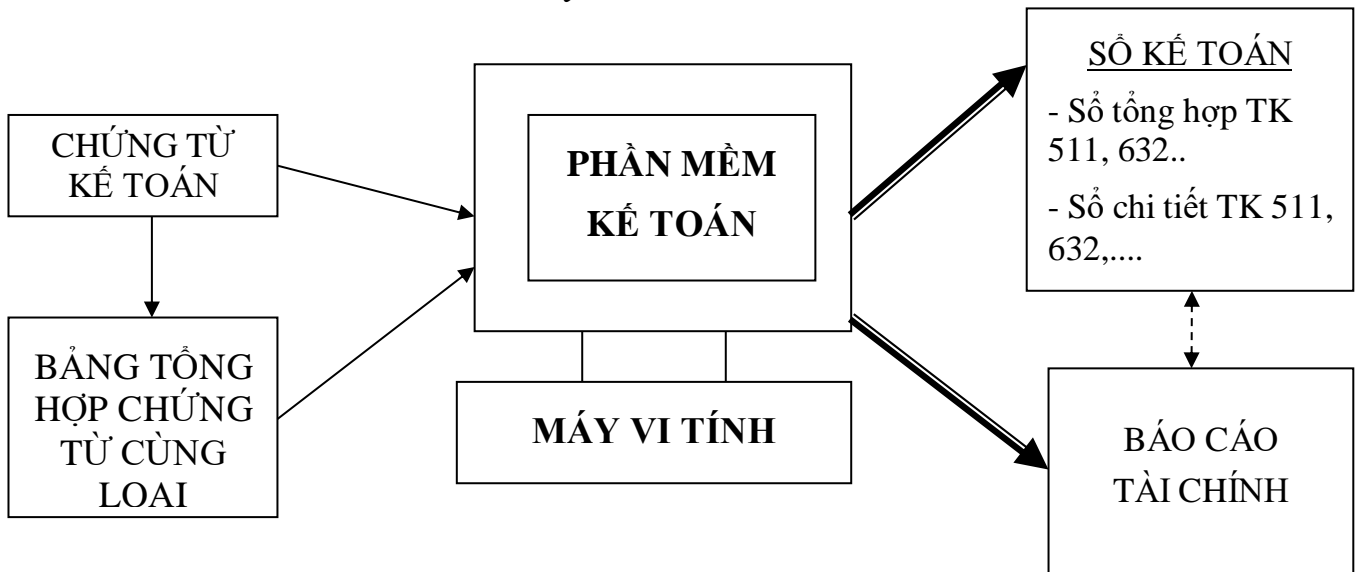
Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán



- Ghi chú:**
- Ghi hàng ngày
 - ⇒ Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - ↔ Đối chiếu

Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

* *Hình thức kế toán máy*



Ghi chú:

Ghi hàng ngày

⇒ Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ

⇄ Đối chiếu

Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TUẤN CHÂU

2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tuấn Châu

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH Tuấn Châu

Công ty TNHH Tuấn Châu đã được thành lập theo giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh với số hiệu 0200917025 do Sở kế hoạch & đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 27 tháng 04 năm 2009.

Tên công ty : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TUẤN CHÂU

Tên tiếng anh : **Tuan Chau Limited Liability Company**

Tên giao dịch : **Tuan Chau LTD**

Địa chỉ : Số 43 Lê Thánh Tông, Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại : **0313.767.323**- Fax: **0313.654.236**

Mã số thuế : 0200587402 – ngày cấp 18/06/2004

Người đại diện theo pháp luật công ty: Bà Nguyễn Thị Minh Châu (Chức vụ: Giám đốc)

Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH

Quy mô: Doanh nghiệp vừa và nhỏ

Ngành nghề kinh doanh chính :

- Cung ứng và dịch vụ hàng hải
- Kinh doanh vận tải thủy bộ
- Chuyên về gỗ, cáp, vật tư tàu thuyền

Thị trường : nội và ngoại thành Hải Phòng.

Công ty TNHH Tuấn Châu tiền thân là một xưởng tư nhân quy mô gia đình chuyên gia công, sơ chế các loại gỗ dân dụng, nội thất tàu thuyền theo đơn đặt hàng. Do nhu cầu sản xuất ngày một tăng cao nên đến nay số cán bộ công nhân viên tăng lên là 70 người và phát triển thành công ty có quy mô sản xuất nhỏ. Hiện nay công ty đang tăng cường mở rộng thị trường về vận tải và sản xuất gỗ làm tăng cường doanh thu và hiệu quả kinh tế, góp phần giải quyết việc làm cho người lao động

Công ty sau một thời gian hoạt động chưa lâu nhưng đã tạo ra được niềm tin, sự tín nhiệm của đối tác. Đồng thời đề đạt ra kế hoạch và nhiệm vụ triển khai tăng cường và mở rộng thị trường về dịch vụ giao nhận vận tải hàng hóa.

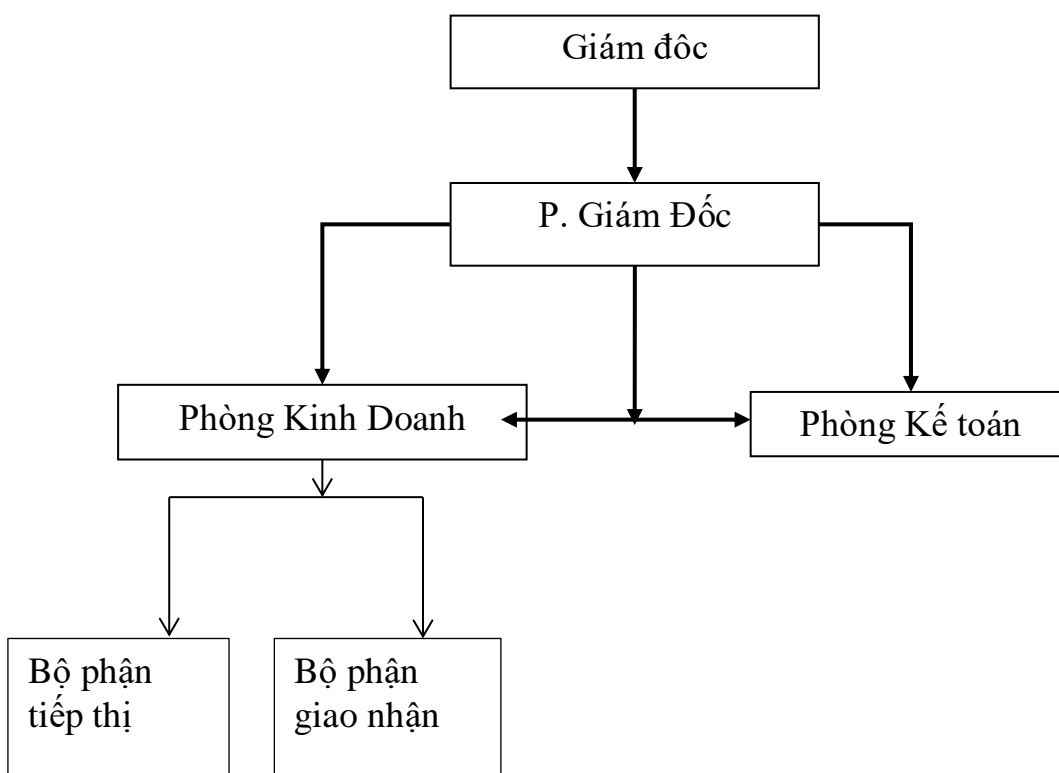
2.1.2. Đối tượng và kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tuấn Châu

- Doanh thu và chi phí tại công ty TNHH Tuấn Châu được hạch toán riêng theo từng hoạt động: hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác.
- Kết quả kinh doanh được tập hợp chung cho 3 hoạt động để xác định thuế TNDN và lợi nhuận trong kỳ kế toán của công ty.
- Kỳ hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh theo năm dương lịch.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Tuấn Châu

Bộ máy của Công ty TNHH Tuấn Châu được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng:

Dưới giám đốc là các phòng ban chức năng với những nhiệm vụ khác nhau nhưng có cùng chức năng tham mưu cho giám đốc trong quản lý, điều hành công việc. Bộ máy của Công ty được thể hiện theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Tuấn Châu

Ban Giám đốc:

Sơ đồ 1: Sơ đồ bộ máy quản lý của công ty TNHH Tuấn Châu

- 01 Giám đốc công ty: Bà. Nguyễn Thị Minh Châu

- Điều hành và chịu trách nhiệm về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng thành viên ,điều lệ công ty và tuân thủ pháp luật.

- Bảo toàn và phát triển vốn thực hiện theo phương án sản xuất, kinh doanh đã được Hội đồng phê duyệt.

- Quyết định các vấn đề có liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty.

- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ công nhân viên dưới quyền.

- Ký kết các hợp đồng nhân danh Công ty.

- Lập các phương án cơ cấu tổ chức Công ty.

- Tuyển dụng lao động.

Phó giám đốc: - Là người được giám đốc ủy quyền giải quyết các công việc khi giám đốc đi vắng, trực tiếp lãnh đạo các phòng ban, quan hệ đối tác với khách hàng, thực hiện các hoạt động kinh tế xuất nhập khẩu.

Phòng Kinh doanh:

-Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc hoặc phó giám đốc, phụ trách kinh doanh, quan hệ đối tác với khách hàng.

-Dự báo các vấn đề về hàng hóa dịch vụ, đề xuất các phương án giá cả, và lập kế hoạch kinh doanh cho cả công ty

Phòng Kế toán:

- Xây dựng và triển khai kế hoạch thu chi tài chính: tháng, quý, năm; giám sát toàn bộ hoạt động tài chính, kế toán của Công ty theo quy định của Pháp luật kế toán thống kê Nhà nước đã ban hành.

- Quản lý vốn và tài sản đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh – dịch vụ. Tham mưu các giải pháp bảo toàn và phát triển vốn. Nghiên cứu, đề xuất các phương thức đổi mới và quản lý kinh tế.

- Hạch toán kế toán toàn bộ quá trình sản xuất kinh doanh – dịch vụ của Công ty, phân tích hoạt động kinh tế và tổng hợp báo cáo kết quả hoạt động tài chính kế toán theo quy định hiện hành.

- Tham gia xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức sử dụng phương tiện, vật tư. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc chi tiêu tài chính trong nội bộ Công ty.

- Theo dõi việc mua, bán, xuất – nhập vật tư hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh – dịch vụ của công ty. Thực hiện công tác kiểm kê định kỳ, kiểm kê đột xuất theo yêu cầu của cấp trên.

- Lưu trữ và bảo quản các tài liệu liên quan đến các mặt hàng công tác và nghiệp vụ của phòng theo quy định của pháp luật hiện hành. Chịu trách nhiệm bảo mật các tài liệu đó.

- Tìm hiểu, nghiên cứu, cập nhật chế độ chính sách, pháp luật về công tác Tài chính doanh nghiệp để áp dụng cho phù hợp.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công, điều động của Giám đốc công ty.

- Làm sổ sách theo dõi chi tiết, lập báo cáo trung thực, rõ ràng.

- Chịu trách nhiệm trước Giám đốc về nhiệm vụ được giao.

2.1.4 Đặc điểm bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Tuấn Châu

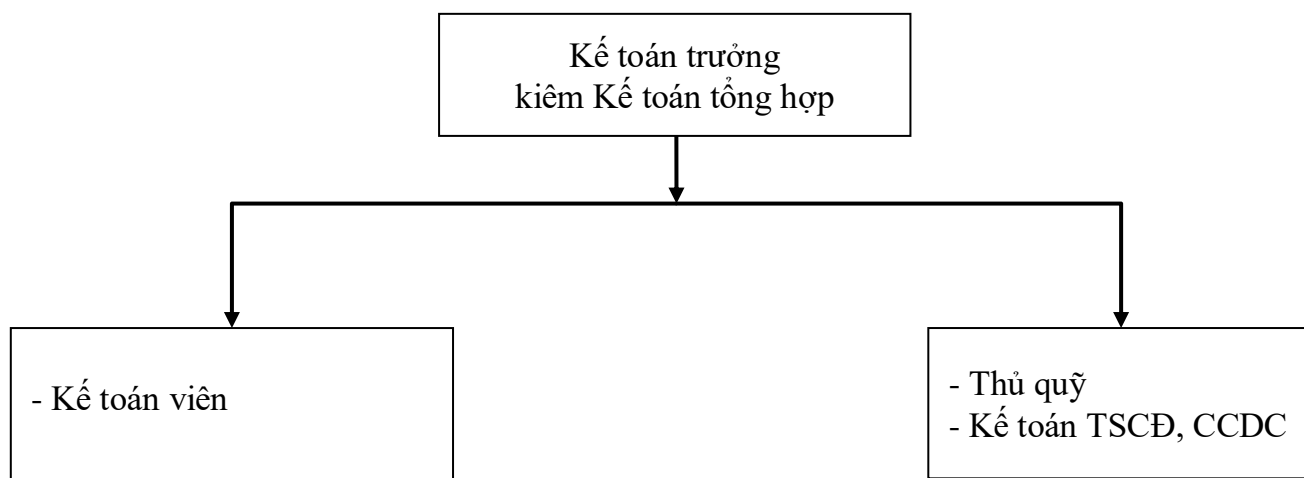
Bộ máy kế toán là một bộ máy quan trọng cấu thành lên hệ thống kiểm soát nội bộ của Doanh nghiệp. Chất lượng trình độ của đội ngũ kế toán cũng như một cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán hợp lý sẽ góp phần không nhỏ làm giảm rủi ro kiểm soát, tăng độ tin cậy của những thông tin kế toán nói chung và của báo cáo tài chính nói riêng.

Công tác kế toán của Công ty được vận dụng theo chế độ tài chính kế toán Nhà nước quy định. Phòng kế toán trực tiếp thu thập, xử lý các thông tin tài

chính của Công ty sau đó đưa lên cho Ban Giám đốc. Ban Giám đốc lấy các thông tin đó làm căn cứ tin cậy để đưa ra những quyết định quản lý.

Công ty TNHH Tuấn Châu là một doanh nghiệp có quy mô nhỏ, với mô hình kế toán tập trung giúp bộ máy kế toán của công ty được gọn nhẹ, tiết kiệm chi phí, phù hợp với tình hình của công ty. Giúp cung cấp thông tin kịp thời cho các nhà quản lý trong việc ra quyết định.

Mô hình kế toán của Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 2: Sơ đồ kế toán của Công ty TNHH Tuấn Châu.

Qua sơ đồ trên ta thấy:

Kế toán trưởng:

- Kế toán trưởng là người giúp việc cho Giám đốc trong lĩnh vực chuyên môn kế toán, tài chính cho Giám đốc điều hành.
- Tham mưu giúp việc cho giám đốc, tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê thông tin và hạch toán kế toán, tài chính của công ty.
- Tổ chức công tác và bộ máy kế toán phù hợp với tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty theo yêu cầu của cơ chế quản lý.
- Tổ chức hướng dẫn thực hiện và kiểm tra việc ghi chép tính toán, phản ánh chính xác kịp thời, đầy đủ toàn bộ tài sản và các hoạt động kinh tế về tài chính của công ty.
- Tính toán, trích nộp đủ, kịp thời các khoản nộp ngân sách, nộp cấp trên.

- Trực tiếp làm công tác kế toán tổng hợp và điều hành nhiệm vụ trong phòng.

- Ký duyệt các tài liệu kế toán, có quyền từ chối không ký duyệt vấn đề liên quan đến tài chính doanh nghiệp không phù hợp với chế độ quy định.

- Được tham gia vào công tác tuyển dụng, khen thưởng, kỷ luật, đề bạt vị trí cho các kế toán viên, thủ kho, thủ quỹ trong doanh nghiệp theo quy định của doanh nghiệp.

- Báo cáo, thống kê tình hình tài chính một cách nhanh chóng, kịp thời cho ban giám đốc theo tháng, quý, năm hoặc có thể đột xuất.

- Tham gia vào công tác tuyển dụng, khen thưởng, kỷ luật, đề bạt vị trí cho các kế toán viên, thủ kho, thủ quỹ trong doanh nghiệp theo quy định của doanh nghiệp.

Kế toán tổng hợp:

- Thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán, các chứng từ kế toán thông qua các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- Kiểm tra lại hạch toán của kế toán viên.

- Lập các báo cáo theo quy định: Báo cáo thuế, tờ khai thuế, báo cáo tài chính, các báo cáo theo yêu cầu của quản lý,....

- Nộp tiền thuế Môn bài, tờ khai thuế môn bài và tiền thuế môn bài,..

- Tổng hợp toàn bộ kết quả kinh doanh, lập thống kê kết quả kinh doanh vào tháng, quý, năm và theo dõi tình hình tăng, giảm TSCĐ theo tháng, quý, năm.

Kế toán viên:

- Theo dõi dòng tiền thu vào và dòng tiền chi ra của tiền mặt (TK 111), và tiền gửi ngân hàng (TK 112). Khi có chênh lệch giữa sổ kế toán tiền mặt và tiền gửi ngân hàng với sổ của thủ quỹ và sổ phụ ngân hàng, thì kế toán phải tìm hiểu nguyên nhân và điều chỉnh kịp thời. Căn cứ vào chứng từ như hóa đơn của bên bán, phiếu tạm ứng để lập thành lập thành lệnh thu và chi thanh toán các khoản nợ với khách hàng bằng tiền mặt hoặc tài khoản ngân hàng.

- Kiểm soát chứng từ đầu vào sao cho (hợp lệ, hợp pháp, hợp lý), để được tính chi phí hợp lý.
- Liên hệ với ngân hàng để làm việc (về rút tiền, trả tiền, lấy sổ phụ ngân hàng và các chứng từ liên quan đến ngân hàng).
- Lập báo cáo thu chi hàng ngày, báo cáo tiền gửi ngân hàng hằng ngày để gửi theo yêu cầu của Ban Giám Đốc.
- Thực hiện công việc thanh toán nội bộ, thanh toán ngân hàng, bảo hiểm xã hội, tiền lương công nợ.
- Nhận, đối chiếu, kiểm tra, xác nhận số liệu báo cáo doanh thu từ khách hàng sau đó lập báo cáo doanh thực hiện trong kỳ.
- Lập phương án xử lý các trường hợp công nợ khó đòi bằng các nghiệp vụ chuyên môn.
- Thực hiện báo cáo doanh thu công nợ.
- Hỗ trợ báo cáo doanh thu định kỳ cho Công ty.

Thủ quỹ:

- Thủ quỹ là người trợ giúp Kế toán trưởng trong việc kiểm soát và định hướng các vấn đề liên quan đến thu và chi tiền mặt trong khách sạn.
- Kiểm tra các phiếu, vé, hóa đơn, chứng từ thanh toán của cá nhân cán bộ công nhân viên hoặc tập thể, thực hiện thu chi tiền mặt theo đúng chế độ, chính sách quy chế của công ty.
- Mở sổ cập đầy đủ chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày, thực hiện kiểm quỹ cuối ngày, làm báo cáo thu, chi, tồn quỹ đúng nghiệp vụ quy định.
- Thực hiện nhiệm vụ quản lý kho văn phòng phẩm của công ty.

Kế toán TSCĐ, CCDC:

- Quản lý và theo dõi số lượng tài sản cố định.
- Trích khấu hao đầy đủ chi phí vào những bộ phận có liên quan của những tài sản tham gia vào SXKD.

- Kế toán ghi chép, theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn kho vật liệu, công cụ, dụng cụ cả về số lượng, chất lượng, giá trị. Tính giá trị của vật liệu xuất kho theo phương pháp thích hợp, phương pháp tính giá phải sử dụng nhất quán ít nhất là trong một niên độ kế toán.

- Kế toán tính toán và phân bổ giá trị của vật liệu, công cụ dụng cụ sử dụng vào chi phí sản xuất theo đúng chế độ quy định.

- Ước lượng vật liệu đảm bảo cung cấp đủ vật liệu cho công trình tránh trường hợp dư thừa vật liệu.

2.1.5 Các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Tuấn Châu

Công ty TNHH Tuấn Châu áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006.

- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch.

- Đơn vị tiền tệ áp dụng trong ghi chép: Việt Nam đồng.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp tính giá hàng xuất kho: phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ: phương pháp đường thẳng.

- Phương pháp tính thuế GTGT: thuế GTGT khấu trừ.

- Chế độ kế toán áp dụng: Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC.

- Công ty sử dụng hình thức kế toán: **Nhật kí chung**.

- Hệ thống báo cáo tài chính theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 bao gồm

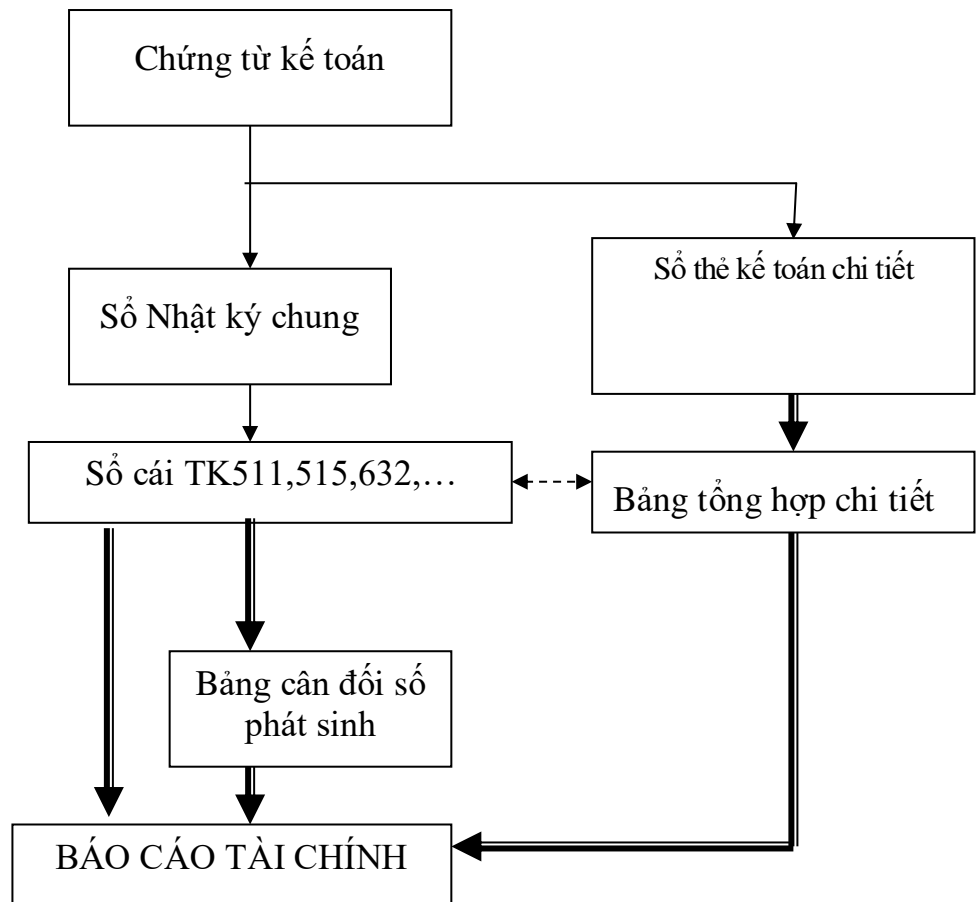
+ Bảng cân đối kế toán

+ Báo cáo kết quả kinh doanh

+ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

+ Thuyết minh báo cáo tài chính

Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - ====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - > Đối chiếu

Sơ đồ 2.3. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung tại công ty TNHH Tuấn Châu
(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH Tuấn Châu)

Toàn bộ chứng từ kế toán do công ty lập hay từ bên ngoài về đều được tập hợp tại phòng kế toán. Các thành viên trong phòng tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, tính chính xác, tính hợp pháp của chứng từ, từ đó những chứng từ đã có đầy đủ thủ tục pháp lý cũng như tính hợp lệ sẽ được ghi sổ kế toán, còn lại sẽ được lưu giữ, bổ sung sau.

Về hóa đơn bán hàng Công ty sử dụng hóa đơn GTGT theo đúng quy định hiện hành của Tổng Cục thuế và Bộ tài chính

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí tại công ty TNHH Tuấn Châu

2.2.1. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Tuấn Châu

2.2.2. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Chứng từ sử dụng:
 - + Hóa đơn GTGT
 - + Chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng,...
 - + Các chứng từ liên quan khác: Hợp đồng mua bán,...
- Tài khoản sử dụng:
 - + TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
 - + TK liên quan khác: TK 111, TK 112,...
- Sổ sách sử dụng:
 - + Sổ Nhật ký chung
 - + Sổ Cái TK 511,111,112,131
 - + Sổ chi tiết bán hàng
 - + Sổ chi tiết đối tượng thanh toán

Ví dụ minh họa 1: _Ngày 18/12 xuất bán thép a58 bán cho Công ty Cổ Phần Công nghiệp tàu thủy Ngô Quyền với giá 17.490.000 (thuế VAT 10 %), đã thanh toán bằng tiền mặt.

Định khoản:

Nợ TK 111: 17.490.000

Có TK 511: 15.900.000

Có TK 3331: 1.590.000

Căn cứ vào hóa đơn GTGT 0001264(**biểu số 1**), phiếu thu số 15 (**biểu số 2**), kế toán ghi sổ nhật ký chung (**biểu số 4**) từ nhật ký chung vào sổ cái (**biểu số 5**). Cuối kỳ căn cứ vào số liệu các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

Biểu số 1. Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001264

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT3/003		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: AA/16P		
(Liên 3: Nội bộ)			Số: 0001264		
Ngày 18 tháng 12 năm 2016					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Tuấn Châu					
Mã số thuế: 0200587402					
Địa chỉ: Số 43 Lê Thánh Tông-P. Máy Chai, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam					
Điện thoại:.....					
Số tài khoản:.....Fax:.....					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty Cổ Phần Công nghiệp Tàu thủy Ngô Quyền.....					
Mã số thuế: 0200158403.....					
Địa chỉ:..Số 585 Lê Thánh Tông- P.Vạn Mỹ- Q. Ngô Quyền- TP. Hải Phòng- Việt Nam					
Hình thức thanh toán:TM.....; Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Thép A58	Cây	150	106.000	15.900.000
Cộng tiền hàng:					15.900.000
Thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		1.590.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					17.490.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười bảy triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)</i>	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)</i>					

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tuấn Châu)

Biểu số 2: Phiếu thu

Công ty TNHH Tuấn Châu		Mẫu số: 01 – TT		
Số 43 Lê Thánh Tông, P. Máy Tơ, Q. Ngô Quyền, TP.Hải Phòng		(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)		
		Số: ...015.....		
PHIẾU THU		Nợ111:17.490.000		
<i>Ngày 18 tháng 12 năm 2016</i>		Có 511: 15.900.000		
		Có 3331: 1.590.000		
Họ và tên người nộp tiền: Công ty Cổ Phần Công nghiệp Tàu thủy Ngô Quyền.....				
Địa chỉ: Số 585 Lê Thánh Tông- P.Vạn Mỹ- Q. Ngô Quyền- TP. Hải Phòng				
Lý do nộp: ...trả tiền hàng theo HĐ 0001264.....				
Số tiền:17.490.000.....				
(Viết bằng chữ): Mười bảy triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng chẵn.				
Kèm theo:HĐ0001264.....				
<i>Ngày 18 tháng 12 năm 2016</i>				
Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Hai mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn.				
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):				
+ Số tiền quy đổi:				

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tuấn Châu)

Ví dụ 2 : Ngày 25/12 xuất bán cho Công ty Lâm Phú 1950 chiếc dây cáp thép chưa thu tiền, số tiền là 26.949.000 (chưa thuế VAT 10%).

Định khoản:

Nợ TK 131: 29.643.900

Có TK 511: 26.949.000

Có TK 3331: 2.694.900

Căn cứ vào hóa đơn GTGT 0001295(**biểu số 3**), kế toán ghi sổ nhật kí chung (**biểu số 4**) từ nhật kí chung vào sổ cái (**biểu số 5**). Cuối kỳ căn cứ vào số liệu các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

Biểu số 3. Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001295

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT3/003		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: AA/16P		
(Liên 3: Nội bộ)			Số: 0001295		
Ngày 25 tháng 12 năm 2016					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Tuấn Châu					
Mã số thuế: 0200587402					
Địa chỉ: Số 43 Lê Thánh Tông, P. Máy Chai, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam					
Điện thoại:.....					
Số tài khoản:.....Fax:.....					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH xuất nhập khẩu Lâm Phú.....					
Mã số thuế: 0201305468.....					
Địa chỉ:..Số 542 Thiên Lôì- P. Vĩnh Niệm- Q. Lê Chân- TP. Hải Phòng- Việt Nam					
Hình thức thanh toán:CK.....; Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Dây cáp thép	Chiếc	1950	13.820	26.949.000
Cộng tiền hàng:					
26.949.000					
Thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		
2.649.900					
Tổng cộng tiền thanh toán:					
29.643.900					
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm đồng chẵn.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tuấn Châu)

Biểu số 4: Trích trang nhật ký chung

Công ty TNHH Tuấn Châu

Số 43 Lê Thánh Tông, P. Máy Chai, Q. Ngô Quyền,

Thành phố Hải Phòng

Mẫu số S03a- DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...
18/12	HĐ1264 PT15/12	18/12	Bán thép A58 cho công ty CPCN Tàu thủy Ngô Quyền	111	17.490.000	
				511		15.900.000
				3331		1.590.000
...
25/12	HĐ1295	25/12	Công ty Lâm Phú mua dây cáp thép chưa thanh toán	131	29.643.900	
				511		26.949.000
				3331		2.694.900
...
			Tổng cộng		96.167.225.680	96.167.225.680

Sổ này có... trang, đánh số từ trang 01 đến trang....

Ngày mở sổ:.....

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tuấn Châu)

Biểu số 5: Sổ cái TK 511

Công ty TNHH Tuấn Châu

Mẫu số S03b-DN

Số 43 Lê Thánh Tông, P. Máy Tơ, Q. Ngô Quyền

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-

BTC, Tp. Hải Phòng

ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

511- Phải thu khách hàng

Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...
18/12	PT15/12	18/12	Bán thép A58 cho công ty CPCN Tàu thủy Ngô Quyền	111		15.900.000
...
25/12	HD 0001295	25/12	Công ty Lâm Phú mua dây cáp thép chưa trả tiền	131		26.949.000
...
31/12	PKT40	31/12	Kết chuyển doanh thu	911	12.286.716.849	
			Cộng số phát sinh		12.286.716.849	12.286.716.849
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tuấn Châu)

2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Tuấn Châu

2.2.3.1. Đặc điểm giá vốn hàng bán.

Giá vốn của hàng bán tại công ty là giá trị thực tế xuất kho của số hàng hóa xuất bán trong kỳ. Công ty tính giá vốn hàng bán theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.

$$\text{Tri giá vốn của hàng hóa xuất kho} = \text{Số lượng hàng hóa xuất kho} \times \text{Đơn giá bình quân gia quyền}$$

- Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền} = \frac{\text{Giá thực tế tồn đầu kỳ} + \text{Giá thực tế hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

2.2.3.2. Chứng từ kế toán sử dụng.

- Phiếu xuất kho
- Biên bản bàn giao.
- Các chứng từ liên quan khác.

2.2.3.3. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng.

- Tài khoản 632: giá vốn hàng bán và các TK có liên quan khác.
- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 632

Ví dụ 3: (tiếp theo ví dụ 1) Ngày 31/12, công ty hạch toán giá vốn hàng xuất kho theo hóa đơn 0001264

Đơn giá xuất kho thanh thép a58:

- Đầu tháng 12 tồn 12.954 cái đơn giá 14.500đồng/c
- Trong tháng 12 nhập 56.000 cái đơn giá 15.000 đồng /c

$$\text{Đơn giá xuất} = \frac{12.954 \times 14.500 + 56.000 \times 15.000}{12.954 + 56.000} = 14.906 \text{ đồng/c}$$

Tri giá xuất của ví dụ 1 là $14.906 \times 1.060.000 = 15.800.360$ đồng

Định khoản:

Nợ TK 632: 15.800.360

Có TK 156: 15.800.360

Ví dụ 4: (tiếp theo ví dụ 2) Ngày 31/12, công ty hạch toán giá vốn hàng xuất kho theo hóa đơn 0001295

Đơn giá xuất kho dây cáp thép bọc nhựa:

- Đầu tháng 12 tồn 15.483 cái đơn giá 13.500 đồng/c

- Trong tháng 12 nhập 31.434 cái dầu đơn giá 13.830 đồng/ c

$$\text{Đơn giá xuất} = \frac{15.483 \times 13.500 + 31.434 \times 13.830}{15.483 + 31.434} = 13.721 \text{ đồng/ c}$$

Trị giá xuất của ví dụ 2 là $13.721 * 1.950.000 = 26.755.950$ đồng

Định khoản:

Nợ TK 632: 26.755.950

Có TK 156: 26.755.950

- Để phản ánh giá vốn của nghiệp vụ này kế toán lập phiếu xuất kho số 445 (**biểu số 6**), 446 (**biểu số 7**)... Kế toán lập bảng kê hàng xuất kho 445 (**biểu số 6**), 446 (**biểu số 7**). Cuối kỳ khi tính toán được định giá hàng xuất kho, kế toán sẽ tính được tổng trị giá hàng xuất kho theo mỗi mặt hàng trên các bảng kê hàng xuất bán (**biểu số 8**), (**biểu số 9**). Từ đó lập phiếu kế toán (**biểu số 10**) và cập nhập số liệu vào sổ nhật ký chung (**biểu số 11**) và sổ cái TK 632 (**biểu số 12**)
- Từ số liệu sổ cái các tài khoản được sử dụng và lập bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính.

Biểu số 6: Phiếu xuất kho

Công ty TNHH Tuấn Châu

Số 43 Lê Thánh Tông, P. Máy Chai, Q. Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 18 tháng 12 năm 2016

Số: 445

Họ và tên người nhận: Ngô Thị Hương

Lý do xuất : Xuất bán hàng hóa

Xuất tại: Kho Công ty Địa điểm: Số 43 Lê Thánh Tông, P. Máy Chai, Q, Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thép A58	A58	Chiếc	1060	1060		
	Cộng			1060	1060		

Ngày 18 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng Giám đốc

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tuấn Châu)

Biểu số 7: Phiếu xuất kho

Công ty TNHH Tuấn Châu

Số 43 Lê Thánh Tông, P. Máy Chai, Q. Ngô Quyền, TP Hải Phòng

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 25 tháng 12 năm 2016

Số: 446

Họ và tên người nhận: Ngô Thị Hương

Lý do xuất : Xuất bán hàng hóa

Xuất tại: Kho Công ty Địa điểm: Số 43 Lê Thánh Tông, P. Máy Chai, Q. Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Cáp thép bọc nhựa	BO	Chiếc	1950	1950		
	Cộng						

Ngày 25 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng Giám đốc

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tuấn Châu)

Biểu số 8: Bảng kê hàng xuất bán

Công ty TNHH Tuấn Châu

Số 43 Lê Thánh Tông, P. Máy Chai, Q.Ngô Quyền, Hải Phòng

BẢNG KÊ HÀNG XUẤT BÁN

Tên hàng: Thép A58

STT	Chứng từ	Ngày xuất	Số lượng	Ghi chú
...		
8	PX09/12	4/12	1.560	Bán thanh thép cho công ty Hoa Mai
...	
15	PX15/12	6/12	2.410	Bán thanh thép cho công ty Thuận Ích
...		
Tổng			20.960	
Đơn giá BQGQCK			14.906	
Thành tiền			312.429.760	

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tuấn Châu)

Biểu số 9: Bảng kê hàng xuất bán

Công ty TNHH Tuấn Châu

Số 43 Lê Thánh Tông, P. Máy Chai, Q. Ngô Quyền, TP Hải Phòng

BẢNG KÊ HÀNG XUẤT BÁN

Tên hàng: Cáp thép bọc nhựa BO

STT	Chứng từ	Ngày xuất	Số lượng	Ghi chú
1	PX05/12	1/12	1.950	Bán cáp cho công ty Lâm Phú
...		
9	PX11/12	5/12	3.520	Bán cáp cho công ty thương mại Việt Cường
...		
Tổng			14.630	
Đơn giá BQGQCK			13.721	
Thành tiền			200.738.230	

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tuấn Châu)

Biểu số 10: Phiếu kế toán

Công ty TNHH Tuấn Châu

Số 43 Lê Thánh Tông, P. Máy Chai, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng

Mã số thuế : 0200587402

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 31

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Tập hợp giá vốn hàng xuất bán trong kỳ	632	156	713.894.932
	Cộng			713.894.932

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty CPĐTPT TNHH Tuấn Châu)

Biểu số 11: Trích trang Sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Tuấn Châu

Số 43 Lê Thánh Tông, P. Máy Chai, Q, Ngô Quyền,

Thành phố Hải Phòng

Mẫu số S03a- DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...
18/12	HĐ1264 PT15/12	18/12	Bán thép A58 cho công ty CPCN Tàu thủy Ngô Quyền	111	17.490.000	
				511		15.900.000
				3331		1.590.000
...
25/12	HĐ1295	25/12	Công ty Lâm Phú mua dây cáp thép tàu chưa trả tiền	131	29.643.900	
				511		26.949.000
				3331		2.694.900
...
31/12	PKT31	31/12	Ghi nhận giá vốn hàng bán T12	632	713.894.932	
				156		713.894.932
...
			Tổng cộng		96.167.225.680	96.167.225.680

Sổ này có... trang, đánh số từ trang 01 đến trang....

Ngày mở sổ:.....

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tuấn Châu)

Biểu số 12: Sổ cái TK 632

Công ty TNHH Tuấn Châu

Số 43 Lê Thánh Tông, P. Máy Chai, Q. Ngô Quyền,

Tp. Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN
632 – Giá vốn hàng bán
Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...
30/11	PKT30	30/11	Giá vốn hàng bán tháng 11/2016	156	813.012.470	...
31/12	PKT31	31/12	Giá vốn hàng bán tháng 12/2016	156	713.894.932	
31/12	PKT41	31/12	Kết chuyển giá vốn	911		10.642.274.791
			Cộng số phát sinh		10.642.274.791	10.642.274.791
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tuấn Châu)

2.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh trong Công ty TNHH Tuấn Châu

Chi phí quản lý kinh doanh là các chi phí phát sinh có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý kinh doanh gồm các khoản sau:

- Chi phí nhân viên quản lý
- Chi phí khấu hao TSCĐ.
- Thuế, phí, lệ phí,...
- Chi phí dự phòng.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài như: chi phí điện nước, điện thoại, tiếp khách...

2.2.4.1. Chứng từ kế toán sử dụng.

- Phiếu chi.
- Hóa đơn GTGT.
- Bảng phân bổ khấu hao, bảng thanh toán lương,...

2.2.4.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng.

- TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh.
- Các tài khoản liên quan: TK 111, 112, 131, 133,...
- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 642 và các sổ sách có liên quan.

Ví dụ 5: Ngày 01/12 công ty mua bộ máy tính cho văn phòng công ty tại công ty TNHH TM Hùng Vĩnh Thịnh số tiền 7.250.000 đồng(chưa thuế VAT 10 %), phân bổ trong 3 năm, trả bằng tiền gửi ngân hàng.

Định khoản:

- 1) Nợ TK 242: 7.250.000
 Nợ TK 133: 725.000
 Có TK 112: 7.975.000
- 2) Nợ TK 642: 201.389
 Có TK 242: 201.389

Ví dụ 6 : Ngày 08/12 thanh toán tiền cước viễn thông tháng 11/2016.

Căn cứ hóa đơn GTGT số 1002045 (**biểu số 17**), phiếu chi số 18(**biểu số 18**) và các chứng từ liên quan, kế toán phản ánh vào sổ sách theo định khoản:

Nợ TK 642: 948.067

Nợ TK 133: 98.407

 Có TK 111: 1.082.474


Từ bút toán trên kế toán phản ánh vào sổ nhật ký chung (**Biểu số 19**), sau đó từ sổ nhật ký chung phản ánh vào sổ cái TK 642 (**Biểu số 20**).

Biểu số 13: Hóa đơn GTGT số 0000195

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: AA/16P		
Liên 2:Giao cho người mua			Số: 0000195		
Ngày 01 tháng 12 năm 2016					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM Hùng Vĩnh Thịnh					
Mã số thuế: 0201561397					
Địa chỉ: Số 24/183 Hùng Vương, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, TP. HP					
Điện thoại: 031.3540055					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng:.....					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Tuấn Châu					
Số tài khoản:					
Địa chỉ: Số 43 Lê Thánh Tông, P. Máy Chai, Q, Ngô Quyền, TP.Hải Phòng					
Hình thức thanh toán:CK.....; Mã số thuế:..0200587402.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
01	Máy tính	Cái	1	7.250.000	7.250.000
Cộng tiền hàng:					7.250.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		725.000
Tổng cộng tiền thanh toán					7.975.000
Số tiền viết bằng chữ: Bảy triệu chín trăm bảy mươi năm nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<small>(Cần kiểm tra , đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)</small>					

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tuấn Châu)

Biểu số 14: Ủy nhiệm chi Ngân hàng GPBank

 ỦY NHIỆM CHI		Liên 2 (copy 2): Khách hàng giữ (For Customer)
<i>Payment Order</i>		
Ngày (date): 01/12/2016		
ĐỀ NGHỊ GHI NỢ TÀI KHOẢN (Please debit account) VÀ GHI CÓ TÀI KHOẢN: (And credit account)		
Tài khoản số: (Account number)	10062918	0201561397
Tên tài khoản: (Account name)	Cty TNHH Tuan Chau	Công ty TNHH TM Hùng Vĩnh Thịnh
Tại Ngân hàng: (Bank name)	GP Bank – CN HP	Sở Dầu - Hồng Bàng – HP
Số tiền bằng số: Amount in figures	7.975.000	Phí trong (including fee) <input type="checkbox"/>
Số tiền bằng chữ: (Amount in words)	Bảy triệu chín trăm bảy mươi năm nghìn đồng chẵn.	Phí ngoài (Excluding fee) <input type="checkbox"/>
Nội dung (Details)	Thanh toán tiền mua máy tính	
Tiền phí (Fee): 11.000		
Khách hàng đã kiểm tra, xác nhận các thông tin trên chứng từ này là đầy đủ, chính xác và ký tên dưới đây. (I/We hereby checked, signed and confirmed that the information in this document is complete and accurate.)		
	Kế toán trưởng (Chief accountant)	Chủ tài khoản ký & đóng dấu (Account holder sign & seal)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tuấn Châu)

Biểu số 15: Phiếu báo nợ

NGÂN HÀNG TM TNHH MTV DẦU KHÍ TOÀN CẦU HPG-PGD BẠCH ĐĂNG MST: 2700113651	 Niềm tin mới, giá trị mới	Theo công văn số 15815/CT-AC Cục thuế TP Hà Nội
PHIẾU BÁO NỢ <i>(Kiểm hóa đơn thu phí dịch vụ)</i>		
Trang 1/1 Ngày 01 tháng 12 năm 2016		
Kính gửi: CTY TNHH TUAN CHAU Địa chỉ: SO 43 LE THANH TONG, P. MAY CHAI, Q. NGO QUYEN Giấy phép kinh doanh: 0200917925 Mã số thuế: 0200587402 G – Account: 10062918	Số tài khoản: 001-00-00058155-5 Loại tiền: VND Loại tài khoản: VND-TGTT-CT TNHH TUAN CHAU Số bút toán hạch toán: FT1633730192	
GPBank xin thông báo đã ghi nợ tài khoản tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:		
Nội dung		Số tiền
CITAD inward Payment		7.975.000
		10,000
Output VAT –Dr		1.000
Tổng phí +VAT		11.000
Tổng số tiền		7.986.000
Số tiền bằng chữ: <i>Bảy triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng chẵn.</i>		
Diễn giải: CTY TNHH TUAN CHAU TRA TIEN MUA MÁY TÍNH		
Lập phiếu	Kiểm soát	Kế toán trưởng

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tuấn Châu)

Biểu số 16: Bảng phân bổ tài khoản 242

Công ty TNHH Tuấn Châu
Số 43 Lê Thánh Tông, P. Máy Chai, Q. Ngô Quyền
Hải Phòng

Mẫu số 07- VT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG PHÂN BỔ CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Tháng 12 năm 2016

STT	Tên CCDC	ĐV T	Ngày đưa vào sử dụng	Số năm phân bổ	Số tháng phân bổ	Giá trị	Giá trị còn lại đầu kỳ	Số phân bổ lũy kế kỳ trước	Số phân bổ một tháng	Số phân bổ kỳ này	Số phân bổ lũy kế	Giá trị còn lại cuối kỳ	Ghi chú
...
12	Máy tính	Bộ	1/12/2016	3	36	7.250.000			201.389	201.389	201.389	7.048.611	
Tổng cộng						33.542.000			3.423.000	3.423.000	3.423.000	30.119.000	

Người lập bảng
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký , họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tuấn Châu)

Biểu số17 :HD 1002045

		HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)																	
Mẫu số:01GTKT2/001		TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)																	
Ký hiệu(Serial No):AA/15P		Liên 2:Giao cho người mua (Customer copy)																	
Số (No): 1002045																			
Mã số thuế:		<table border="1" style="width: 100%; text-align: center;"> <tr> <td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>2</td><td>8</td><td>7</td><td>0</td><td>7</td><td>7</td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </table>				0	2	0	0	2	8	7	0	7	7				
0	2	0	0	2	8	7	0	7	7										
Viễn thông Hải Phòng 03036537042016																			
Địa chỉ:1, Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng																			
Tên khách hàng(Customer's name):Công ty TNHH Tuấn Châu																			
Địa chỉ(Address): Số 4 3 Lê Thánh Tông, P. Máy Chai, Q. Ngô Quyền, TP.Hải Phòng																			
Số điện thoại(Tel):031.8825.970		Mã số (code): HPG-03-035737(T5DHA3)																	
Hình thức thanh toán(Kind of Payment):TM		<table border="1" style="width: 100%; text-align: center;"> <tr> <td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>5</td><td>8</td><td>7</td><td>4</td><td>0</td><td>2</td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </table>				0	2	0	0	5	8	7	4	0	2				
0	2	0	0	5	8	7	4	0	2										
STT(NO)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG(KIND OF SERVICE)	ĐVT(UNIT)	SỐ LƯỢNG(QUANTITY)	ĐƠN GIÁ (PRACE)	THÀNH TIỀN(AMOUNT) VND														
	2	3	4	5	6=4x5														
	Kỳ cước tháng:6/2016 a.Cước dịch vụ Viễn thông b.Cước dịch vụ viễn thông không thuế c.Chiết khấu+Đa dịch vụ d.Khuyến mãi e.Trừ đặt cọc+trích thưởng+nợ cũ				984.067 0 0														
(a+b+c+d) Cộng tiền dịch vụ (Total)(1):					984.067														
Thuế suất GTGT (VAT rate):10% x(1)= Tiền thuế GTGT (VAT amount)(2):					98.407														
(1+2+e) Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total)(1+2):					1.082.474														
Số tiền viết bằng chữ (In words): Một triệu không trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm bảy mươi bốn đồng.																			
Ngày 08 tháng 12 năm 2016																			
Người nộp tiền ký(Signature of payer)			Nhân viên giao dịch ký(Signature of dealing staff)																

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tuấn Châu)

Biểu số 18: Phiếu chi

Công ty TNHH Tuấn Châu		Mẫu số: 02 – TT		
Số 43 Lê Thánh Tông, P.Máy Chai, Q.		(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC		
Ngô Quyền, TP.Hải Phòng		Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)		
		Số: PC18/12		
		Nợ 642: 948.067		
		Nợ 133: 98.407		
		Có 111: 1.082.474		
PHIẾU CHI				
		Ngày 08 tháng 12 năm 2016.		
Họ và tên người chi tiền: Ngô Thị Hương.....				
Địa chỉ:				
Lý do nộp: ... Thanh toán cước điện thoại HD 1002045.....				
Số tiền: 1.082.474.....				
(Viết bằng chữ): Một triệu không trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm bảy mươi bốn đồng.				
Kèm theo: 0 chứng từ gốc				
<i>Ngày 08 tháng 12 năm 2016</i>				
Giám đốc	Kế toán	Người nộp	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	trưởng (Ký, họ tên)	tiền (Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một triệu không trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm bảy mươi bốn đồng.				
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):				
+ Số tiền quy đổi:				

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tuấn Châu)

Biểu số 19: Trích trang Sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Tuấn Châu

Số 43 Lê Thánh Tông, P. Máy Chai, Q. Ngô Quyền,

Thành phố Hải Phòng

Mẫu số S03a- DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...
01/12	HĐ195	01/12	Mua máy tính trả bằng tiền gửi ngân hàng	242	7.250.000	
				133	725.000	
				112		7.975.000
01/12	BPBCP TT/12	01/12	Phân bổ chi phí trả trước	642	3.423.000	
				242		3.423.000
...
08/12	PC18	08/12	Thanh toán cước viễn thông tháng 11	642	984.067	
				133	98.407	
				111		1.082.474
...
			Tổng cộng		96.167.225.680	96.167.225.680

Số này có... trang, đánh số từ trang 01 đến trang....

Ngày mở sổ:.....

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tuấn Châu)

Biểu số 20: Sổ cái TK 642 Công ty TNHH Tuấn Châu
Số 43 Lê Thánh Tông, P. Máy Chai, Q. Ngô Quyền,
Tp. Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ Số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN
642 – Chi phí quản lý kinh doanh
Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...
01/12	BPBMT12	01/12	Phân bổ chi phí trả trước	242	3.423.000	
...
08/12	PC18	08/12	Thanh toán cước viễn thông tháng 11/2016	111	984.067	
....
31/12	PKT41	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911		1.612.762.716
			Cộng số phát sinh		1.612.762.716	1.612.762.716
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tuấn Châu)

2.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính trong Công ty TNHH Tuấn Châu

2.2.5.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

Chứng từ kế toán sử dụng:

- Giấy báo Có của ngân hàng.

Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng:

- Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.

- Sổ nhật ký chung.

- Sổ cái TK 515 và các sổ sách liên quan khác.

Quy trình hạch toán:

Căn cứ giấy báo Có của ngân hàng, kế toán tiến hành vào sổ Nhật ký chung và sổ cái TK 515,112. Cuối kỳ kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Ví dụ 7: Ngày 25/12, Công ty nhận giấy báo có thông báo lãi tiền gửi ngân hàng GP Bank số tiền : 190.460 đồng.

Định khoản:

Nợ TK 112: 190.460


 Có TK 515: 190.460

Căn cứ vào Giấy báo Có của ngân hàng GP Bank (**biểu số 21**). Kế toán ghi sổ nhật ký chung (**Biểu số 22**) từ nhật ký chung vào sổ cái (**biểu số 23**). Cuối kỳ căn cứ vào các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

2.2.5.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.

Trong kỳ công ty không phát sinh các khoản chi phí hoạt động tài chính.

Biểu số 21: Phiếu báo có Ngân hàng GP Bank ngày 15/12

NGÂN HÀNG TM TNHH MTV DẦU KHÍ TOÀN CẦU HPG-PGD BẠCH ĐĂNG MST: 2700113651	 Niềm tin mới, giá trị mới	Theo công văn số 15815/CT-AC Cục thuế TP Hà Nội Số: 00068
PHIẾU BÁO CÓ		
Trang 1/1 Ngày 25 tháng 12 năm 2016		
Kính gửi: CTY TNHH TUAN CHAU Địa chỉ: SO 43 LE THANH TONG- P MAY CHAI- Q NGO QUYEN Giấy phép kinh doanh: 0200917925 Mã số thuế: 0200917025 G – Account: 10062918	Số tài khoản: 001-00-00058155-5 Loại tiền: VND Loại tài khoản: VND-TGTT- CTY TNHH TUAN CHAU Số bút toán hạch toán: FT1634191167\BNK	
GPBank xin thông báo đã ghi có tài khoản tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:		
Nội dung	Số tiền	
CITAD inward Payment	190,460.00	
Tổng số tiền	190,460.00	
Số tiền bằng chữ: <i>Một trăm chín mươi nghìn bốn trăm sáu mươi đồng chẵn.</i>		
Diễn giải: lãi tiền gửi ngân hàng		
Lập phiếu	Kiểm soát	Kế toán trưởng

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tuấn Châu)

Biểu số 22: Trích trang Sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Tuấn Châu

Số 43 Lê Thánh Tông, P. Máy Chai, Q. Ngô Quyền

Thành phố Hải Phòng

Mẫu số S03a- DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...
01/12	HĐ195	01/12	Mua máy tính trả bằng tiền gửi ngân hàng	242	7.250.000	
				133	725.000	
				112		7.975.000
01/12	BPBCP TT/12	01/12	Phân bổ chi phí trả trước	642	3.423.000	
				242		3.423.000
...
08/12	PC18	08/12	Thanh toán cước viễn thông tháng 11	642	984.067	
				133	98.407	
				111		1.082.474
...
25/12	GBC68	25/12	Ngân hàng GP Bank trả lãi trên số dư tài khoản tháng 12	112	190.460	
				515		190.460
...
			Tổng cộng		96.167.225.680	96.167.225.680

Sổ này có... trang, đánh số từ trang 01 đến trang....

Ngày mở sổ:.....

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tuấn Châu)

Biểu số 23: Sổ cái TK 515

Công ty TNHH Tuấn Châu

Số 43 Lê Thánh Tông, P. Máy Chai, Q. Ngô

Quyền, TP.Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN
515 - Doanh thu hoạt động tài chính
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...
25/11	GBC52	25/11	Lãi nhập vốn	112		43.174
25/12	GBC68	25/12	Lãi nhập vốn	112		190.460
31/12	PKT40	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	5.866.255	
			Cộng số phát sinh		5.866.255	5.866.255
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tuấn Châu)

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh trong Công ty TNHH Tuấn Châu

2.2.6.1. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

* Chứng từ sử dụng:

+ Phiếu kế toán

* Sổ kế toán sử dụng:

+ Sổ cái TK911: “Kết quả kinh doanh”

+ Sổ cái TK 821: “Chi phí thuế TNDN”

+ Sổ cái TK421: “Lợi nhuận chưa phân phối”

* *Ví dụ minh họa:*

Ngày 31/12: Để kết chuyển các khoản doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, kế toán tiến hành lập các phiếu kế toán số 40, 41, 42, 43,44 (**Biểu số 24, 25, 26,27,28**).

Từ Phiếu kế toán ghi sổ nhật ký chung (**Biểu số 29**) sau đó từ Sổ Nhật ký chung phản ánh sổ cái TK 911 (**Biểu số 30**), sổ cái TK 821 (**Biểu số 31**), sổ cái TK 421 (**Biểu số 32**).

Biểu số 24: Phiếu kế toán

Công ty TNHH Tuấn Châu
Số 43 Lê Thánh Tông, P. Máy Chai, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng
Mã số thuế : 0200587402

PHIẾU KẾ TOÁN
Số 40
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	12.286.716.849
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	5.866.255
	Cộng			12.292.583.104

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tuấn Châu)

Biểu số 25: Phiếu kế toán

Công ty TNHH Tuấn Châu
Số 43 Lê Thánh Tông, P. Máy Chai, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng
Mã số thuế : 0200587402

PHIẾU KẾ TOÁN
Số 41:
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	10.642.274.791
2	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	1.612.762.716
	Cộng			12.255.037.507

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tuấn Châu)

Biểu số 26: Phiếu kế toán

Công ty TNHH Tuấn Châu
Số 43 Lê Thánh Tông, P. Máy Chai, Q.Ngô Quyền, Hải
Phòng
Mã số thuế : 0200587402

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 42:

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Xác định thuế TNDN	821	3334	7.509.119
	Cộng			7.509.119

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tuấn Châu)

Biểu số 27: Phiếu kế toán

Công ty TNHH Tuấn Châu
Số 43 Lê Thánh Tông, P. Máy Chai, Q.Ngô Quyền, Hải
Phòng
Mã số thuế : 0200587402

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 43:

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	7.509.119
	Cộng			7.509.119

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tuấn Châu)

Biểu số 28: Phiếu kế toán

Công ty TNHH Tuấn Châu
Số 43 Lê Thánh Tông, P. Máy Chai, Q. Ngô Quyền, Hải
Phòng
Mã số thuế : 0200587402

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 44:

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	30.036.478
	Cộng			30.036.478

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tuấn Châu)

Biểu số 29: Trích trang Sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Tuấn Châu

Số 43 Lê Thánh Tông, P. Máy Chai, Q. Ngô Quyền

, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số S03a- DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...
31/12	PKT40	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng, doanh th hoạt động tài chính,	511	12.286.716.849	
				515	5.866.255	
				911		12.292.583.104
31/12	PKT41	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh.	911	12.255.037.507	
				632		10.642.274.791
				642		1.612.762.716
31/12	PKT42	31/12	Xác định thuế TNDN	821	7.509.119	
				3334		7.509.119
31/12	PKT43	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	7.509.119	
				821		7.509.119
31/12	PKT44	31/12	Kết chuyển kết quả kinh doanh	911	30.036.478	
				421		30.036.478
			Tổng cộng		96.167.225.680	96.167.225.680

Sổ này có... trang, đánh số từ trang 01 đến trang....

Ngày mở sổ:.....

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tuấn Châu)

Biểu số 30:Sổ cái TK 911

Công ty TNHH Tuấn Châu

Số 43 Lê Thánh Tông, P. Máy Chai, Q. Ngô

Quyền, TP.Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN
911 - Xác định kết quả kinh doanh
Năm 2016

Đơn vị tính:

VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/12	PKT40	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		12.286.716.849
31/12	PKT40	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		5.866.255
31/12	PKT41	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	10.642.274.791	
31/12	PKT41	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	642	1.612.762.716	
31/12	PKT43	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	7.509.119	
31/12	PKT44	31/12	Kết chuyển kết quả kinh doanh	421	30.036.478	
			Cộng số phát sinh		12.292.583.104	12.292.583.104
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tuấn Châu)

Biểu số 31:Sổ cái TK 821

Công ty TNHH Tuấn Châu

Số 43 Lê Thánh Tông, P. Máy Chai, Q. Ngô

Quyền, TP.Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN
821 – Chi phí thuế TNDN
Năm 2016**

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/12	PKT42	31/12	Xác định thuế TNDN	3334	7.509.119	
31/12	PKT43	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	911		7.509.119
			Cộng số phát sinh		7.509.119	7.509.119
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tuấn Châu)

Biểu số 32:Sổ cái TK 421

Công ty TNHH Tuấn Châu

Số 43 Lê Thánh Tông, P. Máy Chai, Q.Ngô

Quyền, TP.Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN
421 – Lợi nhuận chưa phân phối
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			27.545.873
...
31/12	PKT44	31/12	Kết chuyển lãi	911		30.036.478
			Cộng số phát sinh		17.562.343	30.036.478
			Số dư cuối kỳ			40.020.008

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tuấn Châu)

Từ các công thức trên và số liệu được tổng hợp, kế toán tính và xác xác định kết quả kinh doanh, kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Tuấn Châu năm 2016:

Biểu số 33 : Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

HẠNG MỤC	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	12.286.716.849	23.579.514.873
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 02)	10		12.286.716.849	23.579.514.873
4. Giá vốn hàng bán	11		10.642.274.791	21.843.486.013
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	20		1.644.442.058	1.736.028.860
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		5.866.255	3.496.416
7. Chi phí tài chính	22		0	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí quản lí kinh doanh	24		1.612.762.716	1.711.942.130
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 – 22 – 24}	30		37.545.597	27.583.146
10. Thu nhập khác	31		0	17.692.780
11. Chi phí khác	32		0	9.960.704
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	40		0	7.732.076
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		37.545.597	35.315.222
14. Chi phí thuế TNDN	51		7.509.119	7.769.349
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 – 52)	60		30.036.478	27.545.873

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính- Kế toán công ty TNHH Tuấn Châu)

CHƯƠNG 3. MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TUẤN CHÂU

3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tuấn Châu

3.1.1. Kết quả đạt được :

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán của Công ty TNHH Tuấn Châu. Bởi vì việc hạch toán này phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của công ty trong lưu thông trên cơ sở đặc điểm của từng phần hành kế toán doanh thu, chi phí đã vận dụng linh hoạt lý luận vào thực tiễn đồng thời cung cấp đầy đủ thông tin giúp cho ban lãnh đạo có những quyết định vào kinh doanh tốt nhất và có chiến lược kịp thời đúng đắn.

Công ty TNHH Tuấn Châu là một doanh nghiệp lâu năm, trong quá trình phát triển ban lãnh đạo của công ty đã đi tìm cho mình hướng đi phù hợp với khả năng để đa dạng sản phẩm. Để có những kết quả như hiện nay công ty đã xây dựng bộ máy quản lý khoa học và chặt chẽ.

Qua thời gian thực tập tại Công ty, em nhận thấy tổ chức kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty đã đạt được những kết quả sau:

3.1.1.1 Về tổ chức bộ máy kế toán :

- Bộ máy kế toán của một doanh nghiệp là tập hợp những người làm kế toán tại doanh nghiệp cùng với các phương tiện trang thiết bị dùng để ghi chép, tính toán xử lý toàn bộ thông tin liên quan đến công tác kế toán tại doanh nghiệp từ khâu thu nhận, kiểm tra, xử lý đến khâu tổng hợp, cung cấp những thông tin kinh tế về các hoạt động của đơn vị.

- Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung mà toàn bộ công tác kế toán trong doanh nghiệp được tiến hành tập trung tại phòng kế toán doanh nghiệp. Ưu điểm:

Là tạo điều kiện thuận lợi để vận dụng các phương tiện kỹ thuật tính toán hiện đại, bộ máy kế toán ít nhân viên nhưng đảm bảo được việc cung cấp thông tin kế toán kịp thời cho việc quản lý và chỉ đạo sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Bộ phận kế toán của công ty có 4 người bao gồm một kế toán trưởng, kiêm kế toán tổng hợp, một kế toán vốn bằng tiền, một kế toán công nợ, một kế toán TSCĐ, HTK kiêm Thủ quỹ rất phù hợp với khối lượng công việc kế toán tại công ty. Thêm vào đó, đội ngũ kế toán có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn cao (Trình độ từ ĐH trở lên) giúp cho công tác kế toán tại công ty được thực hiện kịp thời và chính xác.

- Thông tin do bộ phận kế toán cung cấp đầy đủ, chính xác kịp thời nên việc đối chiếu, kiểm tra số liệu với bộ phận kinh doanh và lập báo cáo tài chính được thuận lợi dễ dàng. Đồng thời giúp cho công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

3.1.1.2 Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Về chứng từ kế toán và tài khoản sử dụng :

- Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kế toán phát sinh, dùng với mẫu do bộ tài chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ nhanh chóng kịp thời.

- Công ty áp dụng hệ thống tài khoản theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính. Hệ thống tài khoản kế toán sử dụng tương đối đầy đủ.

- Về tổ chức hệ thống sổ kế toán :

- Công ty mở đầy đủ sổ sách theo hình thức Nhật kí chung (Sổ nhật kí chung, Sổ cái, Sổ chi tiết....)

- Công ty áp dụng theo hình thức kế toán nhật kí chung, ưu điểm của hình thức này là khá đơn giản từ mẫu sổ sách đến cách thức vào sổ, thuận tiện cho phân công công việc, dễ dàng cho việc theo dõi kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các sổ sách liên quan.

- Về việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty :

+) Về hạch toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được ghi nhận đầy đủ và kịp thời đảm bảo chính xác với nguyên tắc ghi nhận doanh thu chi phí.

+) Về hạch toán chi phí: Các chi phí phát sinh như quản lý kinh doanh được hạch toán đầy đủ và kịp thời

+) Về hạch toán xác định kết quả kinh doanh: Cuối năm , công ty tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

3.2. Những tồn tại trong công tác kế toán tại Công ty TNHH Tuấn Châu.

Ngoài những ưu điểm kể trên, công tác kế toán bán hàng tại công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế.

Thứ nhất, về hệ thống sổ sách hạch toán doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán: Hiện tại, về việc hạch toán doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán, kế toán chỉ sử dụng 2 sổ cái TK 511 và sổ cái TK632 mà không sử dụng các sổ chi tiết phục vụ cho các tài khoản này.

Do đó việc hạch toán doanh thu chưa thật chi tiết và chưa phản ánh được doanh thu và giá vốn của từng loại mặt hàng. Điều này sẽ làm cho Ban quản lý dễ bị nhầm lẫn, từ đó Ban giám đốc sẽ không đưa ra được nhiều định hướng và các biện pháp kinh tế đúng đắn nhằm cân đối giữa các mặt hàng do Công ty cung cấp, nhằm tối đa hoá lợi nhuận..

Thứ hai, về việc chưa phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo tiêu thức doanh thu thuần.

Thứ ba, về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán: Hiện nay, việc ghi chép kế toán ở Công ty còn thủ công nên vẫn tồn tại những hạn chế nhất định như mất thời gian, dễ gây nhầm lẫn, sai sót, không hiệu quả...chính vì thế mà Báo cáo tài chính của công ty đôi khi chậm trễ về thời gian, khi có sai sót thì khó phát hiện ra.

3.3. Một số giải pháp nhằm xác định chính xác kết quả từng hoạt động tại Công ty TNHH Tuấn Châu

3.3.1. Giải pháp 1: Hạch toán chi tiết doanh thu - chi phí

Để hoàn thiện hơn hệ thống kế toán công ty nên lập các sổ chi tiết để tiện theo cho các khoản doanh thu và chi phí, đồng thời cũng nắm rõ được tình hình phát sinh, tăng giảm của từng loại doanh thu, chi phí. Từ đó, giúp cho ban lãnh đạo công ty có những giải pháp cụ thể để quản lý và điều hành công ty một cách hiệu quả hơn.

Đề xuất 2 mẫu sổ: Sổ chi tiết bán hàng (biểu 3.3) và Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (biểu 3.4).

Biểu 3.3. Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị:		Mẫusố:S17-DNN							
Địa chỉ:		(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)							
SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG									
Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Tháng....Năm....									
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Cộng số phát sinh						
			Doanh thu thuần						
			Giá vốn hàng bán						
			Lãi gộp						
- Sổ này có ... trang, đánh từ trang 01 đến trang...					Ngày ... tháng ... năm				
- Ngày mở sổ: ...					Kế toán trưởng		Giám đốc		
Người ghi sổ (Ký, họ tên)					(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		

Mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho tài khoản 632 (như biểu số 3.4) tạo điều kiện cho việc theo dõi giá vốn tương ứng của từng mặt hàng đã được mở ở sổ chi tiết bán hàng

Biểu số 3.4 Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị:			Mẫu số S18-DN							
Địa chỉ:			((Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)							
SỔ CHI PHÍ KINH DOANH (Dùng cho các TK 642, 632...) Tài khoản: Tên sản phẩm dịch vụ:										
NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi nợ TK					
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng	Chia ra				
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
			Số dư đầu kỳ							
			Số phát sinh trong kỳ							
			Cộng số phát sinh trong kỳ							
			Ghi có TK							
			Số dư cuối kỳ							
Sổ này có ... trang, đánh từ trang 01 đến trang...										
Ngày mở sổ: ...			Người ghi sổ (Ký, họ tên)			Ngày ... tháng ... năm... Kế toán trưởng (Ký, họ tên)				

3.3.2 Giải pháp 2: Về phương pháp phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Dựa vào sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết giá vốn hàng bán và phân bổ chi phí quản lý kinh doanh, kế toán có thể xác định chính xác kết quả kinh doanh cho từng mặt hàng. Việc phân bổ nên căn cứ theo tiêu thức doanh thu tiêu thụ của từng mặt hàng, như sau:

$$\text{Chi phí kinh doanh cho từng sản phẩm} = \frac{\text{Doanh thu tiêu thụ của từng sản phẩm}}{\text{Tổng doanh thu bán hàng}} \times \text{Tổng chi phí}$$

Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp của mặt hàng i được phân bổ theo công thức:

$$\text{Chi phí bán hàng} = \frac{\text{Tổng chi phí bán hàng}}{\text{Tổng doanh thu thuần của tất cả các mặt hàng}} \times \text{Doanh thu thuần của mặt hàng } i$$

$$\text{Chi phí quản lý doanh nghiệp} = \frac{\text{Tổng chi phí quản lý doanh nghiệp}}{\text{Tổng doanh thu thuần của tất cả các mặt hàng}} \times \text{Doanh thu thuần của mặt hàng } i$$

Việc xác định chính xác kết quả kinh doanh của từng sản phẩm giúp cho công ty xác định được sản phẩm nào kinh doanh hiệu quả, sản phẩm nào kinh doanh không đạt hiệu quả. Khi nhận định được kết quả kinh doanh từng mặt hàng sẽ giúp công ty xem xét giảm bớt mặt hàng có kết quả kinh doanh kém để tập trung kinh doanh mặt hàng đạt kết quả kinh doanh cao nhằm gia tăng thêm lợi nhuận.

3.3.3. Giải pháp 3: Doanh nghiệp nên áp dụng phần mềm kế toán.

Trong nền kinh tế thị trường càng ngày càng phát triển thì quy mô của các doanh nghiệp ngày càng mở rộng, tính chất hoạt động ngày càng phát triển khiến nhu cầu nhận và xử lý thông tin cũng trở nên khó khăn, phức tạp nên áp dụng phần mềm kế toán để tiết kiệm thời gian, công sức.

Phần mềm kế toán cung cấp nhanh chóng bất cứ thông tin nào về số liệu và báo cáo kế toán, tránh sai lệch số liệu, tiết kiệm nguồn nhân lực, chi phí tăng cường tính chuyên nghiệp của đội ngũ nhân sự, làm gia tăng giá trị thương hiệu đối với các khách hàng và nhà đầu tư.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như : MISA SME.NET2012, FAST,DMA,ASOFT,METADATA, G9,...

Ưu điểm của việc sử dụng phần mềm kế toán như sau :

- Được tiêu chuẩn nhiều lần: phần mềm kế toán được xây dựng dựa trên khối thống nhất với các chế độ kế toán hiện hành.
- Hiệu quả vượt trội, tính năng cao: phần mềm giúp tiết kiệm được rất nhiều thời gian và nhân lực so với kế toán thủ công. Phần mềm cho phép thực

hiện tự động các bút toán, phân bổ kết chuyển cuối kì dựa trên các thông tin khai báo, cũng có thể dễ dàng sửa chữa khi có sai sót.

- Đơn giản, đầy đủ, dễ sử dụng: Phần mềm đơn giản, dễ sử dụng những có sự chuyên môn hóa cao. Giao diện làm việc đơn giản nhưng đầy đủ các yếu tố, thân thiện với người sử dụng. Phần mềm kế toán giúp người sử dụng xem từ chi tiết đến tổng hợp và ngược lại, giúp người dùng lập báo cáo tài chính ở bất cứ thời điểm nào.

- Bảo mật, an toàn dữ liệu tuyệt đối: Phần mềm kế toán có tính bảo mật rất cao, giúp bảo vệ dữ liệu cho người sử dụng.

Tổ chức công tác kế toán diễn ra một cách thuận lợi thì nhân viên kế toán không những có trình độ chuyên môn, hiểu được quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bên cạnh đó phải có kiến thức về công nghệ mới, áp dụng được khoa học công nghệ vào công việc. Một số giao diện về phần mềm:



Hình 1: Giao diện phần mềm kế toán MISA

– Thông tin về giá:

Biểu 3.2: Bảng báo giá phần mềm kế toán MISA SME.NET2017

Stt	Gói sản phẩm/dịch vụ	Đơn vị tính	Giá	Mô tả chi tiết
1	Express	Gói	Miễn phí	Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017 - đầy đủ 16 phân hệ. Số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa 150 chứng từ/năm.
2	Starter	Gói	2,950,000	Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017 - đầy đủ 16 phân hệ. Số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa 1000 chứng từ/năm.
3	Standard	Gói	6,950,000	Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017 - 11 phân hệ. Không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.
4	Professional	Gói	8,950,000	Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017 - 13 phân hệ. Không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.
5	Enterprise	Gói	10,950,000	Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017 - đầy đủ 16 phân hệ. Không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.

(Theo thông tin đơn vị cung cấp: Công ty CP Misa)

Với những ý kiến đóng góp nhỏ bé của mình em rất mong có thể đóng góp vào công tác kế hoạch kinh doanh, phát triển của công ty, một phần nào giúp cho công ty đạt được những kết quả khả quan, lợi nhuận tăng lên và công ty ngày một phát triển.

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có một ý nghĩa hết sức quan trọng trong doanh nghiệp và quyết định sự tồn tại của doanh nghiệp. Qua việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh mà người quản lý có thể xác định được doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh có hiệu quả hay không. Đề từ đó có thể đưa ra các chiến lược phù hợp giúp đẩy mạnh sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp. Đồng thời việc hạch toán này còn giúp cho các nhà đầu tư tìm hiểu về tình hình hoạt động tại doanh nghiệp và quyết định có nên đầu tư tại doanh nghiệp không.

Sau 2 tháng thực tập tại Công ty TNHH Tuấn Châu, giúp em nêu được các vấn đề nhận thức về kế toán doanh thu, kế toán chi phí quản lý và xác định kết quả kinh doanh của và phản ánh được tình hình số liệu công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh của công ty. Và đưa ra được những ý kiến nhằm hoàn thiện công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. Bài viết đã đưa ra được một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tuấn Châu như:

- Kiến nghị về việc đưa phần mềm kế toán vào công tác kế toán
- Kiến nghị về hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
- Kiến nghị về việc phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Do thời gian thực tập có hạn và trình độ hiểu biết còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Vì vậy, em rất mong được sự góp ý và giúp đỡ của các thầy cô, cùng cán bộ phòng kế toán công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới các thầy cô giáo khoa Quản trị kinh doanh nói chung và ngành Kế toán – Kiểm toán trường đại học Dân lập Hải Phòng nói riêng, cũng như gửi lời cảm ơn đến Cô giáo- Thạc sỹ Ninh Thị Thùy Trang, và các cán bộ kế toán của công ty TNHH Tuấn Châu đã hướng dẫn và cung cấp tư liệu giúp đỡ em hoàn thành đợt thực tập cũng như bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2001), *Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam.*
- 2.
3. Công ty TNHH Tuấn Châu (2016), *Sổ sách kế toán Công ty.*
4. Bộ Tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyền I Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.